

CTCP TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Ngày 13 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG  
Mã chứng khoán : SKG  
Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang  
Điện thoại : 077 3 980 111  
Fax : 077 3 846 180  
Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI  
Địa chỉ : Số 12, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM  
Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333  
Fax : 028 38 688 373  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 13/04/2018 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật**



**HÀ NGUYỆT NHI**



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Địa chỉ : 10 đường 30/4, khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 3980 111 Fax : ( 0297) 3846 180

Email : [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)

Website : [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

# THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

## Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức như sau:

1. Thời gian: 08h30 sáng, thứ sáu ngày 27/04/2018 (dón tiếp và đăng ký từ 08h00)

2. Địa điểm: Khách sạn 5 sao Windsor Plaza – 18 An Dương Vương, Quận 5, Tp.HCM

### 3. Nội dung Đại hội

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Tài liệu đề cử, bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022 được Công ty đăng tải tại website [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn) (Chuyên mục Quan hệ cổ đông) từ ngày 13/04/2018 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

### 4. Thành phần tham dự:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 05/04/2018 do VSD thực hiện.
- Trường hợp cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội (hoặc cho thành viên Hội đồng quản trị). Người được ủy quyền phải xuất trình Giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) và Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu khi vào dự ĐHĐCĐ.

### 5. Đăng ký tham dự Đại hội:

Nhằm tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự họp (hoặc ủy quyền dự họp) và gửi về Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang qua EMS, điện thoại hoặc fax trước ngày 25/04/2018.

*Nơi nhận: Văn phòng HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang*

Địa chỉ nhận thư: Số 12 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 63 63 16

Fax: (028) 38 688 363

**Lưu ý:** Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông vui lòng mang theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy Ủy quyền họp lệ trong trường hợp được nhận ủy quyền.

Trân trọng kính mời!

Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HÀ NGUYỆT NHI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Địa chỉ : 10 đường 30/4, khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 3980 111 Fax : (0297) 3846 180

Email : [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)Website : [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)**CHƯƠNG TRÌNH HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	<b>Đón tiếp đại biểu</b> Kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu họp. <b>Khai mạc đại hội</b> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tuyên bố lý do;</li></ol>
8h30 – 9h00	<ol style="list-style-type: none"><li>2. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu;</li><li>3. Thông qua Quy chế Đại hội;</li><li>4. Giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa và Đoàn chủ tọa;</li><li>5. Giới thiệu thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu;</li><li>6. Thông qua chương trình Đại hội.</li></ol>
9h00 – 9h40	<b>Trình bày tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ và tiến hành biểu quyết</b> <b>Báo cáo tại Đại hội</b>
9h40 – 10h10	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</li><li>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;</li><li>3. Báo cáo của Ban kiểm soát.</li></ol> <b>Trình bày các nội dung cần xin ý kiến Đại hội</b> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;</li><li>2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018;</li><li>3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;</li><li>4. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017;</li><li>5. Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động năm 2018;</li><li>6. Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018;</li><li>7. Xây dựng lại Quy chế quản trị Công ty;</li><li>8. Chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li><li>9. Bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty;</li><li>10. Tờ trình bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2022;</li><li>11. Nội dung khác (trong trường hợp được ĐHĐCD thông qua).</li></ol>
10h10 – 10h30	
10h30 – 11h00	<b>Đại hội thảo luận</b>
11h00 – 11h05	<b>Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ</b>
11h05 – 11h20	<b>Thông qua Quy chế bầu cử và Danh sách ứng viên HĐQT; Hướng dẫn bầu cử</b>
11h20 – 11h30	<b>Tiến hành biểu quyết, bầu cử</b>
11h30 – 11h45	<b>Nghỉ giải lao</b>
11h45 – 11h50	<b>Công bố kết quả kiểm phiếu</b>
11h50 – 12h00	<b>Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</b>
12h00	<b>Bế mạc Đại hội</b>

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****HÀNG NGUYỆT NHI**



**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN  
THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**Kính gửi: Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang**

Tên cổ đông: .....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

CMND/CCCD/HC/CNDKDN số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: ..... Điện thoại: .....

Tổng số cổ phần đại diện hoặc/và sở hữu: ..... cổ phần.

*(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)*

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP
2. ỦY QUYỀN CHO BÊN NHẬN ỦY QUYỀN DƯỚI ĐÂY

Bên nhận ủy quyền: .....

CMND/CCCD/HC/CNDKDN số: ..... cấp ngày ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số lượng cổ phần ủy quyền: .....

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, Quý Cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của Công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT		
2	Bà Quách Hồng	Thành viên HĐQT		
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT		

**Lưu ý:** Vui lòng đánh dấu (X) hoặc (✓) bên cạnh tên thành viên mà Quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều hơn một người theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đề nghị Quý Cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên.

**Nội dung ủy quyền:**

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang để thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

**Lưu ý:**

*Người được ủy quyền chỉ thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.*

*Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi có chữ ký của cả hai bên ủy quyền và được ủy quyền. Trong trường hợp người ủy quyền là cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu hợp lệ của tổ chức ủy quyền. Trường hợp ủy quyền cho thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang thì không cần chữ ký của TV HĐQT. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kết thúc.*

**Cổ đông/Bên uỷ quyền**  
*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2018  
**Bên nhận ủy quyền**  
*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

Số:.....

Kiên Giang, ngày tháng năm 2018

## DỰ THẢO

# QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Điều lệ Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

### **Điều 1. Mục đích**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

### **Điều 2. Đối tượng và phạm vi**

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

#### **Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 05/04/2018 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (*nếu có*), giấy tờ tùy thân .v.v... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền tham dự Đại hội cho người thứ ba tham dự Đại hội, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **Điều 6. Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

#### **Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tọa và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **Điều 8. Ban Thư ký Đại hội:**

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 01 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

- Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
  - Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
  - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
  - Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
  - Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
3. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

#### **Điều 9. Ban thẩm tra tư cách đại biểu**

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

#### **Điều 10. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia đề cử, tự đề cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) không được tham gia vào ban kiểm phiếu.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, tự đề cử và bầu cử tại Đại hội.

## **Điều 11. Thảo luận tại Đại hội**

### **1. Nguyên tắc:**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, tự đề cử, bầu cử HĐQT; thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

### **2. Cách thức biểu quyết:**

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và

số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

### 3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
  - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
  - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

### 4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 05/04/2018) tổng số cổ phần của Công ty là: 47.979.437 cổ phần tương đương với 47.979.437 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp, vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 20 Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì

phải có sự đồng ý của ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý, cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13).
5. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
  - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

#### **Điều 14. Thi hành Quy chế**

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

*Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.*

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**HÀ NGUYỆT NHI**

Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo về kết quả hoạt động trong năm 2017 và định hướng cho năm 2018 như sau:

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

#### 1.1. Tình hình kinh tế năm 2017

Hòa chung không khí tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển, kinh tế Việt Nam trong năm qua thực sự là điểm sáng đáng chú ý tại khu vực và thế giới khi đã có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với sự đóng góp ngày càng tăng của công nghiệp chế biến chế tạo. Tăng trưởng GDP năm 2017 cao hơn năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế đạt mức 6,8% vượt mục tiêu 6,7% mà Quốc hội đề ra từ đầu năm, đây cũng là mức tăng cao trong suốt những năm qua.

Năm 2017, nước ta tiếp tục thành công trong việc kiểm soát lạm phát. Theo đó, lạm phát có sự sụt giảm so với năm trước do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Giá dầu năm 2017 tăng 24% so với năm 2016, góp phần làm cho giá nhóm giao thông tăng khoảng 5% so với năm trước, đóng góp làm CPI tổng thể tăng thêm khoảng 0,75 điểm. Bước sang năm 2018, giá dầu bình quân được dự báo chỉ tăng nhẹ khoảng 6% so với năm 2017, điều này sẽ không gây nhiều áp lực đến lạm phát nhưng cũng sẽ tiếp tục tác động đến chi phí đầu vào của Công ty.

Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và SKG nói riêng phát triển vững mạnh. Tình hình kinh tế năm 2018 tiếp tục được dự đoán có nhiều thuận lợi khi tiếp nối thành công của năm cũ và nhờ sự thay đổi mạnh mẽ của hành lang pháp lý, cải cách cơ cấu kinh tế cùng với sự tăng trưởng cao của ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sẽ tạo tiền đề tích cực cho kinh tế Việt Nam trong những năm tới đây.

#### 1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH 2017/TH 2016	% TH/ KH 2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	355.714	439.852	401.529	112,88%	91,29%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	219.659	237.484	204.261	92,99%	86,01%

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH 2017/TH 2016	% TH/ KH 2017
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	614	706	-20.378	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	220.273	238.191	183.883	83,48%	77,20%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	212.913	230.231	172.872	81,19%	75,09%
EPS	Đồng	4.438	4.799	3.603	81,19%	75,08%

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty chính thức thực hiện chiến lược kinh doanh đa dạng hóa loại hình và địa bàn cung cấp dịch vụ để phù hợp với tình hình kinh doanh mới; đây là một bước đi quan trọng, quyết định năng lực cạnh tranh và duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty trong trung và dài hạn. Lĩnh vực vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng các phương tiện vận tải hiện đại như tàu cao tốc, phà khách và hàng hóa còn rất mới, rất tiềm năng tại Việt Nam, nhất là trong điều kiện Nhà nước đang khuyến khích, thúc đẩy phát triển du lịch biển đảo. SKG rất tự hào khi là một trong những thương hiệu đầu tiên và có số lượng tàu cao tốc nhiều nhất của cả nước. Hơn 15 năm qua, thương hiệu Superdong luôn nhận được sự tin dùng của các khách hàng trong và ngoài nước. Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên lành nghề, có nhiều kinh nghiệm trong công tác phục vụ hành khách, điều động tàu, nhiệt huyết, tận tâm vì công việc; cùng hệ thống phân phối vé rộng rãi, hiệu quả, đội tàu hoạt động ổn định, an toàn; vì thế, Công ty đã luôn giữ vững vị trí dẫn đầu trong gần 10 năm qua. Tuy vậy, năm qua, Công ty cũng phải ứng phó linh hoạt với những khó khăn tới từ việc thay đổi môi trường cạnh tranh tại Kiên Giang. Các hãng tàu mới gia nhập thị trường và bổ sung thêm tàu đã đặt ra những bài toán khó cho Công ty như: làm thế nào để giữ được thị phần nhưng không ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh? Làm cách nào để tuyển thêm được đội ngũ nhân viên đạt yêu cầu với chi phí hợp lý nhất để đáp ứng cho nhu cầu mở rộng khi lao động trong ngành vận tải đang bị khan hiếm? Bố trí tàu tăng cường thế nào để phù hợp với nhu cầu của hành khách khi bến đón trả khách đang trong tình trạng quá tải và sửa chữa nâng cấp? Đối với địa bàn mới, tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo cho thấy các tín hiệu thị trường đều rất tốt dù điều kiện thời tiết cuối năm không thực sự thuận lợi và Công ty vẫn đang phải sử dụng cảng thuê của bộ đội biên phòng Sóc Trăng.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, Công ty đã kết thúc một năm hoạt động với kết quả ít nhiều có sự suy giảm so với năm trước. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy các mặt hoạt động nội tại và hoạt động kinh doanh chính của SKG vẫn đang được thực hiện đúng với kế hoạch, phù hợp với những chuyển biến của thị trường, xu hướng phát triển của ngành; qua đó, góp phần giữ vững được các giá trị cốt lõi mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn cố gắng mang lại cho cổ đông; từ đó, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### 1.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### Các khoản đầu tư lớn

Thực hiện chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, Công ty tập trung đầu tư vào hai nhóm chính là phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng.

#### Về đầu tư phương tiện vận tải:

Năm 2017, Công ty đã đầu tư đóng mới tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II với giá trị đầu tư khoảng 4 triệu đô la Mỹ; phà Superdong PI, PII có giá trị đầu tư khoảng 5 triệu đô la Mỹ; hai tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý với giá trị đầu tư khoảng 4 triệu đô la Mỹ. Hiện, tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II, phà Superdong PI đã được đưa vào hoạt động và dự kiến trong Quý II hoặc III năm 2018, phà Superdong PII và một tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý sẽ được đưa vào khai thác.

#### Về đầu tư cơ sở hạ tầng:

Năm 2017, Công ty triển khai đầu tư dự án Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng) phục vụ cho việc khai thác tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo với tổng số vốn đầu tư khoảng 90 tỷ đồng được chia thành nhiều giai đoạn triển khai; bến tàu sẽ được đưa vào vận hành giai đoạn 01 từ Quý II năm 2018 và dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án này vào năm 2022. Trong năm, SKG còn triển khai đầu tư 03 xe trung chuyển hành khách cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo với giá trị đầu tư khoảng 4,3 tỷ đồng.

#### 1.4. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	34,85	16,27
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	33,90	15,36
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,53%	2,54%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,56%	2,61%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,19	11,46
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,57	0,52
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	59,86%	43,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	34,93%	23,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	34,28%	22,44%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	61,75%	50,87%

### 1.5. Việc phát hành cổ phiếu

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017, HĐQT đã triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016. Việc phát hành đã hoàn tất trong năm 2017, căn cứ vào báo cáo kết quả phát hành, số lượng cổ phiếu tăng thêm là 13.708.195 cổ phiếu.

HĐQT đã thực hiện thay đổi lại vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang, đăng ký sửa đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đồng thời, toàn bộ số cổ phiếu mới phát hành đã được đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HoSE. Hiện tại, tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 47.979.437 cổ phiếu.

## 2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2017

### 2.1. Cơ cấu của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Thành viên HĐQT	Chức Vụ	SLCP sở hữu (31/12/2017)	Tỷ lệ (%)
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.294.218	2,70%
2	Bà Quách Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành	3.287.690	6,85%
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD	8.732.392	18,20%
4	Ông Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0,00%
5	Ông Puan Chiong	Thành viên HĐQT không điều hành	2.329.603	4,86%
6	Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT độc lập	19.600	0,04%
7	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành	484.855	1,01%
8	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT không điều hành	45.766	0,10%

### 2.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017

#### 2.2.1. Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	13	100%
2	Bà Quách Hồng	Thành viên	13	100%
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	13	100%
4	Ông Ting Chek Hua	Thành viên	13	100%
5	Ông Puan Chiong	Thành viên	13	100%

6	Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	13	100%
7	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	12	92%
8	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	13	100%

### 2.2.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	07/02/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua dự án đầu tư Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng);</li> <li>• Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc chủ động thực hiện đầu tư theo tiến độ của dự án Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng);</li> <li>• Thông qua việc đầu tư phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc;</li> <li>• Thông qua việc chọn công ty đóng phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc.</li> </ul>
2	02/2017/NQ-HĐQT	03/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc đóng tàu tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li> <li>• Thông qua việc chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị thực hiện đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li> <li>• Đính chính thông số công suất máy chính của phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc tại Điều 3.3.4 của Nghị quyết HĐQT số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/02/2017;</li> <li>• Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</li> </ul>
3	03/2017/NQ-HĐQT	27/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo.</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
4	04/2017/NQ-HDQT	05/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Sóc Trăng.</li> </ul>
5	05/2017/NQ-HDQT	07/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua Báo cáo thường niên 2016;</li> <li>Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;</li> <li>Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.</li> </ul>
6	06A/2017/NQ-HDQT	16/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 40% và bằng tiền với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;</li> </ul>
7	06B/2017/NQ-HDQT	16/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2017.</li> </ul>
8	07/2017/NQ-HDQT	10/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc đầu tư xe trung chuyển hành khách cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li> <li>Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Côn Đảo;</li> <li>Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2017.</li> </ul>
9	08/2017/NQ-HDQT	17/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với 13.708.195 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016;</li> <li>Sửa đổi khoản 1 điều 5 Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ mới phù hợp với mức vốn sau khi phát hành 13.708.195 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016;</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức vốn điều lệ mới của Công ty.</li> </ul>
10	09/2017/NQ-HĐQT	19/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua chủ trương đầu tư dự án tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý;</li> <li>• Thông qua việc đầu tư dự án phà tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.</li> </ul>
11	10/2017/NQ-HĐQT	20/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý;</li> <li>• Thông qua việc lựa chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị thực hiện đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý.</li> </ul>
12	11/2017/NQ-HĐQT	10/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý.</li> </ul>
13	12/2017/NQ-HĐQT	30/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc đầu tư khách sạn Côn Đảo;</li> <li>• Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Phú Quý.</li> </ul>
14	13/2017/NQ-HĐQT	21/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc tham gia đấu giá quyền sử dụng tại khu phố 1, phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang;</li> <li>• HĐQT ủy quyền cho Ban TGD chủ động thực hiện việc tham gia đấu giá và quyết định mức giá phù hợp căn cứ tình hình thực tế trên cơ sở đảm bảo quyền lợi tối đa cho Công ty; Ban TGD có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai cho Hội đồng Quản trị theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.</li> </ul>

### 2.2.3. Thù lao hoạt động của Hội đồng quản trị

(ĐVT: đồng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	252.000.000	227.520.000	48.594.000
2	Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT	108.000.000	480.000.000	104.000.000
3	Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT	108.000.000	-	-
4	Puan Chiong	Thành viên HĐQT	108.000.000	-	-
5	Quách Hồng	Thành viên HĐQT	180.000.000	-	-
6	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	180.000.000	-	-
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	108.000.000	-	-
8	Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	108.000.000	199.392.000	54.832.800
<b>Tổng</b>			<b>1.152.000.000</b>	<b>906.912.000</b>	<b>207.426.800</b>

### 3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho HĐQT trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Mặt dù, doanh thu tăng trưởng hơn 12%, song vẫn còn tồn tại những thiếu sót và kết quả lợi nhuận sau thuế cuối cùng cho thấy chỉ tiêu này có sự suy giảm so với cùng kỳ, chỉ đạt gần bằng kế hoạch được đề ra nhưng Hội đồng quản trị thực sự ghi nhận những giá trị mà các thành viên của Ban Điều hành đã cống hiến cho Công ty trong năm 2017, hy vọng rằng trong thời gian tới, với việc triển khai nhiều chiến lược kinh doanh mới sẽ làm hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện và lấy lại được đà tăng trưởng.

### 4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

Du lịch biển đảo và nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa từ đất liền tới các đảo du lịch sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong thời gian tới; nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp và hiệu quả kinh doanh, HĐQT có kế hoạch cho các hoạt động trong thời gian tới như sau:

#### Về hoạt động kinh doanh

SKG sẽ tiếp tục tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống tại thị trường Kiên Giang và các địa bàn mới (Sóc Trăng, Côn Đảo, Phan Thiết). Trong năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục duy trì, củng cố vị trí đứng đầu tại các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Hà

Tiên – Phú Quốc và Rạch Giá – Nam Du; đồng thời, quyết tâm khai thác tốt tuyến tàu cao tốc mới Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc.

### Về đầu tư phát triển

Kinh nghiệm từ Phú Quốc đã chỉ ra rằng, để tối ưu hóa lợi nhuận, củng cố vị thế đầu ngành và tạo rào cản kỹ thuật, Công ty cần đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan nhằm hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính.

Theo kế hoạch năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện hoàn thành các khoản đầu tư của năm trước; đồng thời, thực hiện đầu tư khách sạn tại Côn Đảo với tổng vốn đầu tư khoảng 100 tỷ, dự kiến hoàn thành vào năm 2020 và khu hậu cần cảng tại Hà Tiên nhằm phục vụ cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc.

### Về quản trị công ty

Với mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn tôn trọng pháp luật và duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả. Tôn chỉ này đã mang lại cho Công ty nhiều kết quả tốt đẹp và sự tăng trưởng trong kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm. HĐQT sẽ tiếp tục duy trì hoạt động của mình theo những tiêu chí trên và sẽ nghiên cứu, đưa vào áp dụng những thông lệ tốt về quản trị công ty sao cho phù hợp với đặc trưng của Công ty và mang lại hiệu quả cao.

Các cuộc họp HĐQT thực hiện theo những cách thức được quy định theo Luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, được tổ chức định kỳ và bất thường để đảm bảo theo sát hoạt động của Công ty, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc.

Đối với vấn đề công bố thông tin, HĐQT đảm bảo đưa các thông tin đến cổ đông kịp thời, chính xác và đầy đủ theo quy định về công bố thông tin tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và các quy định có liên quan.

### Kế hoạch chi tiết

(ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH 2018/ TH 2017
Vốn điều lệ (đồng)	479.794.370.000	575.753.240.000	120,00%
Doanh thu thuần (đồng)	401.528.755.081	443.847.138.472	110,54%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	172.872.162.878	162.534.674.701	94,02%
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (*)	35%	25%	71,43%

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2017 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2018.

Năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững thị phần tại thị trường truyền thống cho lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa. Bên cạnh đó, tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt; từ đó, góp phần tác động tích cực đến tổng doanh thu của Công ty. Tuyến Phan Thiết – Phú Quý, phà Rạch Giá – Phú Quốc sẽ khai trương trong Quý II hoặc Quý III năm 2018 cũng sẽ ít nhiều tạo nên những chuyển biến trong tình



Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 27/04/2017.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội một số các nội dung chính sau:

### I. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

#### 1. Các cuộc họp và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

STT	Số biên bản cuộc họp	Ngày	Nội dung
1	01/2017/BBH-BKS	21/01/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tổng kết hoạt động năm 2016 của BKS;</li><li>• Chương trình hoạt động năm 2017 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát;</li><li>• Lập báo cáo Ban kiểm soát để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.</li></ul>
2	02/2017/BBH-BKS	12/04/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017;</li><li>• Giám sát việc triển khai các dự án mới.</li></ul>
3	03/2017/BBH-BKS	09/06/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kế hoạch làm việc với Công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên;</li><li>• Giám sát hoạt động chi trả cổ tức năm 2016;</li><li>• Kế hoạch hoạt động nửa cuối năm 2017.</li></ul>



STT	Số biên bản cuộc họp	Ngày	Nội dung
4	04/2017/BBH-BKS	30/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch làm việc với công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.</li> </ul>

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Dù vậy, năm qua SKG cũng đã có sự thiếu sót khi chậm công bố thông tin quyết định truy thu và xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Đối với vấn đề này, Công ty đã nghiêm túc nhìn nhận lại để rút kinh nghiệm; đồng thời, kịp thời giải trình và cập nhật tình hình mới nhất bằng các thông báo đến cổ đông và cơ quan ban ngành. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc vẫn luôn nỗ lực hết mình làm việc với cơ quan thuế và sẽ tiếp tục cập nhật tình hình để cổ đông nắm rõ.

## **2. Kết quả thẩm tra tình hình tài chính Công ty năm 2017**

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong các Báo cáo tài chính các quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét và Báo cáo tài chính năm kiểm toán của Công ty. Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đầy đủ, trung thực và phù hợp với quy định của pháp luật. Tình hình tài chính của Công ty ổn định và lành mạnh, các chỉ số tăng trưởng.

Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông. BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; giám sát việc chi trả cổ tức năm 2016 và đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu cũng như tiến độ triển khai các dự án, kế hoạch kinh doanh.

## **3. Tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2017**

Trong năm 2017, BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đảm bảo quy định về trình tự họp, thủ tục và nguyên tắc ra quyết định. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo kế hoạch đề ra.

## **4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Đóng góp ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động kinh doanh chung của Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.

055  
TY  
IÂN  
TỔC  
ONG  
ANG  
HINH X

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã ban hành.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó Ban Kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.

## II. THÙ LAO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(ĐVT: đồng)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng Ban kiểm soát	90.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên BKS	90.000.000
3	Lượng Văn Hồng	Thành viên BKS	54.000.000
<b>Tổng</b>			<b>234.000.000</b>

Trân trọng !.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



TRƯƠNG HỮU LỘC



Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Ban Tổng Giám đốc Công ty xin báo cáo về kết quả hoạt động trong năm 2017 và định hướng cho năm 2018 như sau:

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH 2017/TH 2016	% TH/ KH 2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	355.714	439.852	401.529	112,88%	91,29%
Lợi nhuận từ HDKD	Triệu đồng	219.659	237.484	204.261	92,99%	86,01%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	614	706	-20.378	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	220.273	238.191	183.883	83,48%	77,20%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	212.913	230.231	172.872	81,19%	75,09%
EPS	Đồng	4.438	4.799	3.603	81,19%	75,08%

Năm 2017, đánh dấu một cột mốc phát triển quan trọng và đầy thách thức của Công ty; bên cạnh mảng kinh doanh truyền thống tại Kiên Giang, Công ty đã bước vào giai đoạn mở rộng địa bàn kinh doanh sang khu vực khác và đa dạng hóa loại hình dịch vụ. Việc vận hành 13 tàu cao tốc và 01 phà trên 03 tuyến tại Kiên Giang và 01 tuyến mới tại Côn Đảo đã mang lại cho Công ty 401,5 tỷ đồng, tăng 12,88% so với năm 2016.

Tại mảng kinh doanh truyền thống, tình hình cạnh tranh năm qua diễn ra khá căng thẳng khi các đối thủ gia nhập thị trường và tăng cường thêm phương tiện vận tải để nâng cao năng lực hoạt động; điều này cũng gây khó khăn phần nào cho công tác tuyển dụng của Công ty khi đưa thêm các tàu, phà mới vào khai thác. Dù vậy, tuyến Rạch Giá – Nam Du vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận. Trên các tuyến khác, Công ty phải mở thêm nhiều giờ khởi hành, thực hiện các hoạt động marketing để gia tăng sức cạnh tranh; kết quả là, Công ty vẫn giữ được thị phần ổn định khoảng 80% tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc và 95% tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và trong những tháng cuối năm 2017, đối thủ cạnh tranh truyền thống là hãng tàu Ngọc Thành đã phải dừng hoạt động tại 02 tuyến này. Đối với tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc, Công ty có lợi thế khi cung cấp cả dịch vụ tàu cao tốc và phà nhưng cũng gặp khó trong việc sắp xếp giờ khởi hành do mới chạy thử nghiệm 01 phà Superdong PI, trong khi có đến 09 phà khác đã hoạt động ổn định trước khi Công ty khai trương phà. Ở



tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo, Công ty đã tận dụng được lợi thế của doanh nghiệp đầu tiên khai phá thị trường; tuy nhiên, do thời tiết những tháng cuối năm qua diễn biến bất thường đã phần nào gây trở ngại cho việc bố trí lịch trình hoạt động của tuyến này. Những nguyên nhân nêu trên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm qua của Công ty; dù biên lợi nhuận ròng vẫn duy trì ở mức khá tốt khoảng 43,1% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ được 172,9 tỷ đồng, đạt 81,2% so với cùng kỳ, hoàn thành 75,1% kế hoạch năm.

Hiện nay, SKG đã và đang thực hiện chiến lược đa dạng dịch vụ của mình thông qua việc khai thác tàu cao tốc, phà, xe trung chuyển, đầu tư thêm bến tàu kết hợp khai thác dịch vụ ăn uống lưu động, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú nhằm đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, tạo nên sự tiện lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại của hành khách; đồng thời, đầu tư vào dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển để tiết kiệm chi phí và chủ động hơn trong việc chăm sóc đội tàu hiện tại; qua đó, có thể phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh thường nhật của mình.

## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	381.709	341.226	-10,61%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	333.087	484.469	45,45%
Tổng tài sản	Triệu đồng	714.796	825.695	15,51%
Vòng quay tài sản	Vòng	0,57	0,52	-8,77%
LNST/Tổng tài sản	%	34,28%	20,94%	-38,91%



Năm 2017, Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có sự chuyển biến tích cực khi đã tăng 15,51% so với năm trước đạt mức 825,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng trưởng này là do

sự tăng mạnh của tài sản dài hạn, cụ thể là khoản mục tài sản cố định khi Công ty đã liên tục đầu tư thêm tàu và phà mới để phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh của mình. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn lại có sự sụt giảm so với năm trước 10,61% duy trì tại mức 341,2 tỷ đồng do khoản đầu tư tài chính là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty nắm giữ đến ngày đáo hạn vào thời điểm tổng kết cuối năm giảm đi so với năm 2016.

Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2017 giảm so với năm trước, cụ thể vòng quay tài sản năm nay đạt mức 0,52 vòng giảm 8,77%; điều này có thể lý giải bởi sự tăng lên đáng kể của tổng tài sản trong năm qua với giá trị lớn, mặc dù doanh thu thuần của Công ty cũng có sự tăng trưởng so với kỳ trước. Chỉ tiêu khả năng sinh lời từ tổng tài sản cũng có sự sụt giảm đáng kể 38,91% so với năm 2016, bám trụ tại mức 20,94% do kết quả kinh doanh chỉ đạt mức lợi nhuận sau thuế tại mức 172,9 tỷ đồng, số này đã giảm đến 18,81% so với năm trước, trong khi tổng tài sản lại tăng 15,51%.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	%Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	10.953	20.969	91,45%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ	Triệu đồng	10.953	20.969	91,45%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	703.843	804.726	14,33%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	714.796	825.695	15,51%



Công ty tiếp tục không sử dụng nợ vay dài hạn nên tổng nợ chính là số liệu của nợ ngắn hạn, khoản này trong năm qua có sự tăng mạnh so với năm trước đến 91,45% đạt mức gần 21 tỷ đồng; cụ thể, các khoản phải trả ngắn hạn cho người bán phát sinh từ công tác thu mua nhiên liệu đầu vào là dầu, mua vật liệu xây dựng phục vụ hoạt động kinh doanh và xây dựng cơ bản của Công ty đã có sự tăng lên đáng kể trong năm. Bên cạnh đó, năm qua các khách hàng

trong nước trả trước tiền vé với giá trị lớn hơn năm trước và sự tăng lên của khoản mục phải trả người lao động cũng là một trong những nguyên nhân làm nợ phải trả của Công ty có sự chuyển biến như đã đề cập.

Ngược lại với diễn biến của nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm đã tăng 14,33% so với năm 2016, đạt mức 804,7 tỷ đồng do trong năm SKG tiếp tục phát hành thành công cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, điều này đã làm vốn góp chủ sở hữu có sự gia tăng. Ngoài ra, việc chưa phân phối lợi nhuận sau thuế tại thời điểm báo cáo cũng đã tác động tích cực đến giá trị của nguồn vốn khi đã đóng góp và làm tăng vốn chủ sở hữu đến 172,9 tỷ đồng.

### 3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Với diễn biến thuận lợi của nền kinh tế chung, năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược trung – dài hạn của mình để đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.

Ở thị trường truyền thống, Công ty sẽ phát huy tối đa các ưu thế sẵn có như thương hiệu hàng đầu được tin dùng lâu năm, đội tàu có số lượng nhiều nhất, kích cỡ phù hợp, chi phí vận hành, giá vé hợp lý... để gia tăng năng lực cạnh tranh. Công ty đang là đơn vị duy nhất phục vụ hành khách với các loại hình dịch vụ đa dạng là tàu cao tốc, tàu phà, xe trung chuyển. Công ty sẽ tiếp tục điều phối các tàu hiện có nhằm duy trì hiệu quả hoạt động tại các tuyến đã khai thác để có thể đảm bảo được công suất khai thác và giữ vững năng lực cạnh tranh của mình. Việc bố trí các tàu thực hiện như sau:

- Tàu cao tốc Superdong XII sẽ được bố trí tăng cường cho các tuyến khi có nhu cầu.
- Tuyến Rạch Giá – Nam Du sẽ bố trí các tàu cao tốc Superdong I, II, XI.
- Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc bố trí các tàu cao tốc Superdong III, IV, V, IX.
- Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc bố trí các tàu cao tốc Superdong VI, VII, VIII, X; phà Superdong PI và PII, trong đó, phà Superdong PII sẽ bắt đầu hoạt động từ Quý II hoặc III năm 2018.

Với tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, Công ty sẽ cung cấp gói dịch vụ gồm vận chuyển bằng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II, dịch vụ hỗ trợ gồm xe trung chuyển, ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng tiện lợi, dịch vụ lưu trú tại bến tàu phức hợp Trần Đề (Sóc Trăng); dự kiến sẽ khai trương giai đoạn 01 trong Quý II hoặc III năm 2018 và khách sạn tại Côn Đảo dự kiến sẽ đưa vào hoạt động năm 2020.

Dự kiến, cuối Quý II hoặc đầu Quý III năm 2018, Công ty sẽ khai trương tuyến Phan Thiết – Phú Quý, lấy yếu tố tốc độ nhanh và chất lượng dịch vụ làm lợi thế cạnh tranh giành thị phần tại địa bàn mới này.

SKG sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua công tác đào tạo, giám sát nhân viên tại khối lao động trực tiếp, tiếp tục triển khai giai đoạn 02 của hệ thống đặt và thanh toán vé trực tuyến, tổ chức các sự kiện quảng bá, chương trình marketing nhằm phổ biến và in đậm thêm dấu ấn của thương hiệu Superdong trong tâm trí khách hàng; đây được

0055  
TY  
TH  
TỐC  
NG  
IG  
KIẾN

xem là sự chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai thác các dự án mới với điều kiện và môi trường kinh doanh không ngừng thay đổi như hiện nay.

**Trân trọng !.**

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PUAN KWONG SIING**



Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

## **TỜ TRÌNH**

*(Vv: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty)*

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.

**Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau đây:**

Nhằm đảm bảo các nội dung có liên quan đến việc tổ chức, hoạt động của Công ty được diễn ra thuận lợi, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã rà soát “Điều lệ tổ chức và hoạt động” hiện nay của Công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị nhận thấy Điều lệ cần được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với các quy định hiện hành. Vì vậy, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung của Điều lệ tổ chức và hoạt động có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được áp dụng cho tất cả các nội dung biểu quyết, bầu cử còn lại. Riêng quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Nội dung quy định về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị) sẽ có hiệu lực sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang kết thúc.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**HÀ NGUYỆT NHI**

# NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	<b>Điểm a khoản 1 Điều 1</b> "Vốn điều lệ" là <b>số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp</b> và quy định tại <b>Điều 5</b> Điều lệ này	<b>Điểm a khoản 1 Điều 1</b> "Vốn Điều lệ" là <b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp</b> và quy định tại <b>Điều 6</b> Điều lệ này;	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN2014
2.	<b>Chưa quy định</b>	<b>Điểm c khoản 1 Điều 1</b> <b>"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010</b>	Bổ sung phù hợp luật hiện hành
3.	<b>Điểm d khoản 1 Điều 1</b> <b>"Cán bộ quản lý"</b> có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và <b>các vị trí quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn</b>	<b>Điểm e khoản 1 Điều 1</b> <b>"Người điều hành doanh nghiệp"</b> là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 2, NĐ71
4.	<b>Điểm e khoản 1 Điều 1</b> <b>"Người liên quan"</b> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản Luật hiện hành	<b>Điểm f khoản 1 Điều 1</b> <b>"Người có liên quan"</b> là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b>khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</b>	Sửa đổi phù hợp với các quy định hiện hành
5.	<b>Chưa quy định</b>	<b>Điểm h khoản 1 Điều 1</b> <b>"Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng</b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 2, NĐ71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<b>khoản</b>	
6.	<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	Bổ sung cho phù hợp với nội dung tại Chương II
7.	<b>Điểm a Khoản 4 Điều 2</b> Số lượng người đại diện theo pháp luật là <b>một (01) người</b> . <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	<b>Khoản 1 Điều 3</b> Số lượng người đại diện theo pháp luật là <b>hai (02) người</b> . <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</b> là người đại diện theo pháp luật của Công ty. ..... <b>Khoản 6 Điều 3</b> <b>Quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quy định.</b>	Bổ sung để việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được đảm bảo trong trường hợp người đại diện vắng mặt không có ủy quyền.
8.	<b>Khoản 6 Điều 2</b> Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Khoản 2 Điều 47</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 48 Điều lệ này</b> , thời hạn của Công ty là 50 (năm mươi) năm.	<b>Khoản 5 Điều 2</b> Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Khoản 2 Điều 50</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 51 Điều lệ này</b> , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 (năm mươi) năm.	Sửa đổi tham chiếu cho phù hợp
9.	<b>Khoản 1 Điều 3</b> <b>Lĩnh vực kinh doanh</b> của Công ty là ...	<b>Khoản 1 Điều 4</b> <b>Ngành, nghề kinh doanh</b> của Công ty là ...	Sửa đổi phù hợp với thuật ngữ dùng tại Điểm b, Khoản 1, Điều 25 LDN2014
10.	<b>Khoản 1 Điều 4</b> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả <b>các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh</b> và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	<b>Khoản 1 Điều 5</b> 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <b>theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</b> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
11.	<p><b>Khoản 2 Điều 5</b></p> <p>Công ty có <b>thể tăng</b> vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty cũng có thể thay đổi vốn Điều lệ theo quy định tại Khoản 5 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 6</b></p> <p>Công ty có thể <b>thay đổi</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giảm vốn theo Khoản 2, Điều 131 LDN2014
12.	<p><b>Khoản 3 Điều 5</b></p> <p>Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này <b>bao gồm</b> cổ phần phổ thông. <b>Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 6</b></p> <p>Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này <b>là</b> cổ phần phổ thông. <b>Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</b></p>	Sửa đổi cho rõ nghĩa và tham chiếu phù hợp
13.	<p><b>Khoản 2 Điều 6</b></p> <p><b>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng cổ phiếu và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</b></p>	<p><b>Khoản 2 Điều 7</b></p> <p><b>Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty . Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 120 LDN2014
14.	<p><b>Điều 7</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành <b>có dấu và chữ ký mẫu</b> của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p><b>Điều 8</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có <b>chữ ký</b> của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	Phải ký thực trên các chứng chỉ chứng khoán này không được dùng chữ ký mẫu (Tuong tự việc tuân thủ quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 120 LDN2014)
15.	<p><b>Khoản 2 Điều 8</b></p> <p>2. Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 9</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác (hoặc theo quy định tại điều khoản phát hành). <b>Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</b> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và</p>	Bổ sung để có thể bao quát thêm các trường hợp được hưởng quyền lợi của cổ phiếu.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và <b>các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</b>	
16.	<p><b>Khoản 4 Điều 9</b></p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 10</b></p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <b>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp.</b> Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	Bổ sung làm rõ thông tin đối với cổ phần bị thu hồi
17.	<p><b>Khoản 2 Điều 11</b></p> <p>2. <b>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</b> có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</b></li> <li>b. Nhận cổ tức <b>với mức</b> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</li> <li>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</li> <li>e. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</b></li> <li>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>g. <b>Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</b></li> <li>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp</li> </ul>	<p><b>Khoản 2 Điều 12</b></p> <p>2. <b>Cổ đông phổ thông</b> có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– <b>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</b></li> <li>– <b>Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</b></li> <li>– <b>Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);</b></li> <li>– <b>Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.</b></li> </ul> </li> <li>b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành <b>(hoặc theo quy định tại điều khoản phát hành);</b></li> <li>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</li> <li>e. <b>Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</b></li> <li>f. <b>Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</b></li> <li>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp</li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 114 LDN2014</p> <p>Bổ sung phù hợp với Khoản 2 Điều 140 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>quy định của Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</b></p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định <b>tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</b></p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
18.	<p><b>Điểm a Khoản 3 Điều 11</b></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu <b>5%</b> tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <b>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</b></p>	<p><b>Điểm a Khoản 3 Điều 12</b></p> <p>3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng <b>tại Điều 25 Điều lệ này;</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp
19.	<p><b>Khoản 2 Điều 13</b></p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty, <b>đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.</b> Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 14</b></p> <p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt <b>thông qua báo cáo tài chính năm và kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 8 NĐ71
20.	<p><b>Khoản 3 Điều 13</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 14</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <b>Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng soát xét hoặc</b></p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>b. <b>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với đầu kỳ;</b></p> <p>c. <b>Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</b></p> <p>d. <b>Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</b></p> <p>e. ...;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</b></p> <p>c. <b>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</b></p> <p>d. <b>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</b></p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 136, Khoản 3 Điều 156 LDN2014</p> <p>Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp</p>
21.	<p><b>Khoản 4 Điều 13</b></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>điểm c Khoản 3 Điều 13</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các <b>điểm d, e Khoản 3 Điều 13</b>.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm a Khoản 4 Điều 13</b> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm b Khoản 4 Điều 13</b> thì trong thời hạn</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 14</b></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>Điểm c Khoản 0 Điều 14 Điều lệ này</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>Điểm d và Điểm e Khoản 0 Điều 14</b>;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điểm b Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này</b> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>Điểm d Khoản 3 này</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>điểm d Khoản 3 Điều 13</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>có quyền</b> đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>có thể</b> đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
22.	<p><b>Khoản 2 Điều 14</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p><b>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</b></p> <p><b>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</b></p> <p><b>n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành;</b></p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp</b> với giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</b></p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 15</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p><b>m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;</b></p> <p><b>n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</b></p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <b>khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> với giá trị <b>bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</b> của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 135 LDN2014</p> <p>Bỏ điểm n Khoản 2 Điều 14 đi vì NĐ71 trong vòng 3 năm nữa CT HĐQT không được kiêm nhiệm Giám đốc</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
23.	<p><b>Khoản 3 Điều 14</b></p> <p>Trừ các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều này phải được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các vấn đề còn lại quy định tại Khoản 2 điều này thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 23</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</li> <li>b. Định hướng phát triển Công ty;</li> <li>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Dự án đầu tư/ bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</li> <li>g. Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</li> <li>i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</li> </ul>	
24.	<p><b>Khoản 4 Điều 14</b></p> <p>4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Khoản 1 Điều 14</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</li> <li>b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó <b>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</b></li> </ul>	<p><b>Khoản 3 Điều 15</b></p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>khoản 2 Điều 15</b> Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</li> <li>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó <b>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</b></li> </ul>	<p>Sửa đổi cho phù hợp</p> <p>Bổ sung nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông</p>
25.	<p><b>Khoản 1 Điều 15</b></p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền <b>cho đại diện của mình</b> tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 16</b></p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền <b>cho cá nhân, tổ chức đại diện</b> tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền <b>theo quy định của pháp luật</b> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Sửa đổi cho cụ thể</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
26.	<p><b>Khoản 2 Điều 15</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo các quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và <b>người được ủy quyền dự họp</b>;</p> <p>b. <b>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền</b> thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 16</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <b>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp</b>;</p> <p>b. <b>Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền</b> thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp <b>đầy đủ</b> văn bản ủy quyền <b>khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp</b>.</p>	<p>Sửa đổi cho rõ ràng</p> <p>Theo khoản 1 Điều 140, LDN 2014</p>
27.	<p><b>Khoản 4 Điều 15</b></p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 15</b>, phiếu <b>biểu quyết</b> của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 16</b></p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này</b>, phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu cử</b> của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp</p>
28.	<p><b>Khoản 1,2 Điều 16</b></p> <p>1. <b>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</b> Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ</p>	<p><b>Khoản 1,2 Điều 17</b></p> <p>1. <b>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua; đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi đó biểu quyết thông qua.</b> Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với tỷ lệ cao nhất thông qua các vấn đề đặc biệt</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.</b></p>	<p>được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp
29.	<p><b>Khoản 2 Điều 17</b></p> <p>1. ...</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>những nhiệm vụ</b> sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất <b>30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;</b></p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 18</b></p> <p>1. ....</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>các công việc</b> sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/<b>bầu cử</b> tại Đại hội đồng cổ đông. <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. <b>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</b></p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. <b>Các công việc khác phục vụ đại hội.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
30.	<p><b>Khoản 3 Điều 17</b></p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 18</b></p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, <b>bao gồm:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</b></li> <li>b. <b>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;</b></li> <li>c. <b>Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;</b></li> <li>d. <b>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</b></li> <li>e. <b>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</b></li> </ol>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 139 LDN 2014</p>
31.	<p><b>Khoản 4 Điều 17</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này</b> có quyền <b>đề xuất</b> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ, tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần mà người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 18</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền <b>kiến nghị</b> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <b>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 138 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Điểm c, Khoản 3, Điều 114 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
32.	<p><b>Khoản 5 Điều 17</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <b>đề xuất</b> liên quan đến <b>Khoản 4 của Điều 17</b> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Đề xuất</b> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <b>đề xuất</b>, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ <b>ít nhất 5%</b> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề <b>đề xuất</b> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 18</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <b>kiến nghị</b> liên quan đến <b>Khoản Error! Reference source not found. Điều 18</b> nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Kiến nghị</b> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <b>kiến nghị</b>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <b>từ 10%</b> cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <b>kiến nghị</b> không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 138 LDN2014
33.	<p><b>Khoản 6,7 Điều 17</b></p> <p><b>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</b></p> <p><b>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</b></p>	<b>Đề xuất bỏ</b>	Đã được LDN2014 quy định bắt buộc phải tuân thủ, không phù hợp đặt tại nội dung về “ <b>Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b> ”
34.	<p><b>Điều 18</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm <b>án định</b> khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có</p>	<p><b>Điều 19</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <b>xác định</b> khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 141 LDN2014  Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 141 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành <b>không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự</b> và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành <b>không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp</b>, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 141 LDN2014
35.	<p><b>Khoản 1 Điều 19</b></p> <p><b>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 20</b></p> <p>Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 142 LDN2014
36.	<p><b>Khoản 2 Điều 19</b></p> <p><b>Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</b></p>	<p><b>Khoản 2 Điều 20</b></p> <p><b>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Điểm d khoản 1 Điều 142 LDN 2014. Quy định về số lượng người của ban kiểm phiếu đã không còn.
37.	<p><b>Khoản 3 Điều 19</b></p> <p><b>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và <b>biểu quyết</b> ngay tại đại hội. Chủ tọa không có</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 20</b></p> <p><b>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và <b>biểu quyết/bầu cử</b> tại đại hội</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 142 LDN

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và <b>hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</b>	ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và <b>hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</b>	2014
38.	<p><b>Khoản 4 Điều 19</b></p> <p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</b></p> <p><b>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</b></p>	<p><b>Khoản 4 Điều 20</b></p> <p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</b></p> <p><b>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Điểm a, khoản 2 Điều 142 LDN2014
39.	<p><b>Khoản 5 Điều 19</b></p> <p><b>Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Khoản 5 Điều 20</b></p> <p><b>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 142 LDN2014
40.	<p><b>Khoản 6 Điều 19</b></p> <p><b>Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</b></p>	<p><b>Khoản 6 Điều 20</b></p> <p><b>Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 8, Điều 142 LDN2014
41.	<p><b>Khoản 7 Điều 19</b></p> <p><b>Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</b></p>	<p><b>Khoản 7 Điều 20</b></p> <p><b>Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Điều 142 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
42.	<p><b>Khoản 8 Điều 19</b></p> <p><b>Hội đồng quản trị có thể yêu cầu</b> các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông <b>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp</b>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, <b>Hội đồng quản trị</b> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p><b>Khoản 8 Điều 20</b></p> <p><b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu</b> các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác</b>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014
43.	<p><b>Khoản 9 Điều 19</b></p> <p>10. <b>Hội đồng quản trị</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp mà được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</b></li> <li>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;;</li> <li>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</li> </ol> <p><b>Hội đồng quản trị</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p><b>Khoản 9 Điều 20</b></p> <p>9. <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</b></li> <li>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</li> <li>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</li> </ol> <p><b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp với mục đích nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014
44.	<p><b>Khoản 11 Điều 19</b></p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, <b>Hội đồng quản trị</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);</li> <li>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể</li> </ol>	<p><b>Khoản 10 Điều 20</b></p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</li> <li>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại</li> </ol>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	
45.	<p><b>Khoản 1,2 Điều 20</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 21</b></p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông và/hoặc đại diện được uỷ quyền đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 144 LDN2014 và quy định cụ thể đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</p>
46.	<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Khoản 3, 4 Điều 21</b></p> <p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng</p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 144 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty và phải đạt tỷ lệ tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p> <p>Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo các phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) khi được số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
47.	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 21</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b>bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</b></li> <li>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <b>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</b></li> </ol>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 23</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b>các vấn đề sau đây:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</li> <li>Định hướng phát triển Công ty;</li> <li>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</li> <li>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</li> <li>Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> </ol> </li> </ol>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 145 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><b>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</b></p> <p><b>i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</b></p> <p><b>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</b></p>	
48.	<p><b>Điểm c Khoản 3 Điều 21</b></p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông. Trong trường hợp Công ty đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), địa chỉ của cổ đông là địa chỉ theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp</p>	<p><b>Điểm c Khoản 3 Điều 23</b></p> <p>Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, <b>số Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <b>mã số doanh nghiệp</b> hoặc số quyết định thành lập, <b>địa chỉ trụ sở chính</b> của cổ đông là tổ chức hoặc <b>họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 145 LDN2014
49.	<p><b>Khoản 3 Điều 21</b></p> <p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Điểm e Khoản 3 Điều 23</b></p> <p><b>Phương án bầu cử (nếu có);</b></p>	Dùng cho trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu cử
50.	<p><b>Khoản 4 Điều 21</b></p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <b>của người đại diện theo uỷ quyền</b> hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị</p>	<p><b>Khoản 4,5 Điều 23</b></p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <b>hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</b></p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. <b>Gửi thư:</b> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Điều 145 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	mở đầu không hợp lệ	<p>b. <b>Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</b></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <b>là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</b></p>	
51.	<p><b>Khoản 5 Điều 21</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <b>không nắm giữ chức vụ quản lý công ty</b>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</li> <li>Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</li> <li>Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia <b>biểu quyết</b>, trong đó phân biệt số phiếu <b>biểu quyết</b> hợp lệ và số <b>biểu quyết</b> không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia <b>biểu quyết</b>;</li> <li>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</li> <li>Các <b>quyết định</b> đã được thông qua;</li> <li>....</li> <li>.....</li> </ol>	<p><b>Khoản 6 Điều 23</b></p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông <b>không phải là người điều hành doanh nghiệp</b>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</li> <li>Số cổ đông với tổng số phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu</b> cử đã tham gia <b>biểu quyết/bầu cử</b>, trong đó phân biệt số phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu</b> cử hợp lệ và số biểu quyết/ phiếu bầu cử không hợp lệ, <b>phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử</b>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia <b>biểu quyết/ bầu cử</b>;</li> <li>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề <b>và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên</b>;</li> <li>Các <b>vấn đề</b> đã được thông qua;</li> <li>....</li> </ol>	Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71. Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 145 LDN2014
52.	<p><b>Khoản 6 Điều 21</b></p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</p>	<p><b>Khoản 7 Điều 23</b></p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <b>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6, Điều 145 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
53.	<p><b>Khoản 8 Điều 21</b></p> <p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này</p>	<p><b>Khoản 9 Điều 23</b></p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo <b>Điều 21 Điều lệ này</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với điều 21 đã sửa đổi</p>
54.	<p><b>Điều 22</b></p> <p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Khoản 1,2 Điều 22</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</li> <li>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</li> <li>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</li> </ol> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 1, Điều 146 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 2 và 3 Điều 146 LDN2014
55.	<p><b>Điều 22</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản họp Đại hội đồng. <b>Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty trong vòng 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</b> biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>Khoản 3,4,5 Điều 22</b></p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <b>phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</b></p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi/<b>công bố biên bản.</b></p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 146 LDN2014
56.	<p><b>Điều 23</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày <b>nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục <b>triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</li> </ol>	<p><b>Điều 24</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <b>được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục <b>triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.</li> <li>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</li> </ol>	Sửa đổi phù hợp với Điều 147 LDN 2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
57.	<p><b>Khoản 1 Điều 24</b></p> <p>Số thành viên của Hội đồng quản trị sẽ <b>không ít hơn 05 người</b> và không nhiều hơn 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</b></p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 26</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <b>bảy (07) người</b>. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><b>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 150 LDN 2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Khoản 5 Điều 13 NĐ71</p>
58.	<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 25</b></p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> </ol>	<p>Bổ sung phù hợp với Điểm a, Khoản 3, Điều 8, TT155 &amp; Khoản 1, Điều 11, NĐ71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>c. Trình độ chuyên môn;</li> <li>d. Quá trình công tác;</li> <li>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>i. Các thông tin khác (nếu có).</li> </ul>	
59.	<p><b>Khoản 1 Điều 24</b></p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 25</b></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN2014
60.	<p><b>Khoản 2 Điều 24</b></p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. <b>Cơ chế đề cử hay cách thức</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 25</b></p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định <b>tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 11 NĐ71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử..	thông qua trước khi tiến hành đề cử <b>theo quy định pháp luật.</b>	
61.	<p><b>Khoản 1 Điều 24</b></p> <p>Số thành viên của Hội đồng quản trị <b>sẽ không ít hơn 05 người và không nhiều hơn 11 người.</b> Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là <b>năm (05) năm.</b> <b>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập</b> được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 26</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <b>bảy (07) người.</b> Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị <b>không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</b></p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  <b>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị</b> được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
62.	<p><b>Khoản 3 Điều 24</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Thành viên đó</b> không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><b>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty</b></p> <p>c. <b>Thành viên đó</b> bị sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p><b>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.</b></p> <p>e. <b>Thành viên đó bị bãi nhiệm</b> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 26</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p><b>b. Công ty nhận được đơn từ chức;</b></p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi <b>dân sự;</b></p> <p><b>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p><b>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>f. Có ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p><b>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 156 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
63.	<p><b>Khoản 4 Điều 24</b></p> <p>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Quy định này bắt buộc phải tuân thủ tại Khoản 3 Điều 156 LDN 2014. Mặc khác hiện nay ND71 đã bỏ đi quy định về việc bầu tạm thời TV HĐQT (trước đó TT121 có quy định nội dung này).</p>
64.	<p><b>Khoản 1 Điều 25</b></p> <p>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm <b>quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 27</b></p> <p>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các <b>quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 149 LDN 2014</p>
65.	<p><b>Khoản 2 Điều 25</b></p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Nội dung không được quy định trong LDN2014 &amp; ND71</p>
66.	<p><b>Khoản 3 Điều 25</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</b></li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>c. <b>Bổ nhiệm và bãi miễn các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị</b></li> </ul>	<p><b>Khoản 2 Điều 27</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>b. <b>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</b></li> <li>c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>d. <b>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với</b></li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 149 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;</b></p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>cán bộ quản lý</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại <b>cán bộ quản lý đó;</b></p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi <b>và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</b></p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p><b>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</b></p> <p><b>a. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</b></p> <p>j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p><b>Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</b></p> <p><b>e. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;</b></p> <p>f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>người điều hành doanh nghiệp</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <b>người điều hành đó;</b></p> <p><b>g. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</b></p> <p>h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p><b>i. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;</b></p> <p><b>j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</b></p> <p>l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi <b>và trái phiếu kèm chứng quyền;</b></p> <p>n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p><b>o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
67.	<p><b>Khoản 4 Điều 25</b></p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</li> <li>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</li> <li><b>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);</b></li> <li>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</li> <li>e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty</li> <li>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</li> <li>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở VN hay nước ngoài;</li> <li>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</li> <li><b>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</b></li> <li>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</li> <li>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định</li> </ul>	<p><b>Khoản 3 Điều 27</b></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</li> <li>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</li> <li>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 2 Điều 135 và khoản 1</b>, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</li> <li>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</li> <li>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty (<b>ngoại trừ những trường hợp có giá trị nhỏ thuộc phạm vi điều hành hoạt động kinh doanh</b>);</li> <li>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mười lăm (15) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</li> <li>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</li> <li>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</li> <li><b>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng;</b></li> <li>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</li> <li>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 130 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.		
68.	<p><b>Khoản 5, 6 Điều 25</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và <b>những người quản lý khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <b>các cán bộ quản lý</b> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 27</b></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <b>người điều hành</b> khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.
69.	<p><b>Khoản 8 Điều 25</b></p> <p>Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 28</b></p> <p>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b></p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 3 Điều 158 LDN2014
70.	<b>Điều 26 Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 29 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	Bổ sung nhằm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt
71.	<p><b>Khoản 1 Điều 26</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 29</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một trong số các thành</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 12 NĐ71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thành viên của mình để bầu <b>ra một Chủ tịch</b> . Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể kiêm chức Tổng giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	viên Hội đồng quản trị để bầu <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị và lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại để bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> .	
72.	<b>Khoản 2 Điều 26</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>trách nhiệm</b> triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	<b>Khoản 2 Điều 29</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>nghĩa vụ</b> chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 152 LDN 2014
73.	<b>Chưa quy định</b>	<b>Khoản 4 Điều 29</b> Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền và khi Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt do bất khả kháng hoặc không còn năng lực hành vi thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch.	Bổ sung nhằm thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt
74.	<b>Khoản 4 Điều 26</b> <b>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</b>	<b>Khoản 5 Điều 29</b> <b>Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn của Hội đồng quản trị.</b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 152 LDN 2014.
75.	<b>Khoản 1 Điều 27</b> Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì <b>cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc</b> , kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp	<b>Khoản 1 Điều 30</b> Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc</b> , kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 153 LDN 2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>ngang nhau</b> thì các thành viên <b>này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</b>	có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu <b>theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</b>	
76.	<b>Khoản 2 Điều 27</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <b>ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến.</b> Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần	<b>Khoản 2 Điều 30</b> 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ <b>và bất thường</b> , lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <b>ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp trừ các trường hợp khẩn cấp.</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần	Sửa đổi cho phù hợp tránh những ngày nghỉ lễ
77.	<b>Khoản 3 Điều 27</b> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp <b>bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng</b> , khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban Kiểm soát;	<b>Khoản 3 Điều 30</b> 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp <b>Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng</b> , khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác; b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác (nếu có).	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 153 LDN2014
78.	<b>Khoản 4 Điều 27</b> Các cuộc họp của Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này <b>phải được tiến hành</b> trong thời hạn <b>15 ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở <b>Khoản 3 Điều 27</b> có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị	<b>Khoản 4 Điều 30</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>phải triệu tập</b> họp Hội đồng quản trị trong <b>thời hạn bảy (07) ngày làm việc</b> , kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại <b>khoản 3 Điều 30 Điều lệ này</b> có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 153 LDN2014
79.	<b>Khoản 5 Điều 27</b>	<b>Khoản 5 Điều 30</b>	Sửa đổi cho rõ ràng

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Trường hợp có yêu cầu của <b>kiểm toán viên độc lập</b> , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty	Trường hợp có yêu cầu của <b>công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</b> , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty	
80.	<p><b>Khoản 6 Điều 27</b></p> <p>Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở <b>địa chỉ đã đăng ký của Công ty</b> hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Khoản 6 Điều 30</b></p> <p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại <b>trụ sở chính của Công ty</b> hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 153 LDN2014
81.	<p><b>Khoản 7 Điều 27</b></p> <p>Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc <b>từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố</b>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được <b>bàn bạc</b> và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các <b>phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp</b>.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rơ-i-ên, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p><b>Khoản 7 Điều 30</b></p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp <b>trừ các trường hợp khẩn cấp</b>. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, <b>việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó</b>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được <b>thảo luận</b> và biểu quyết tại cuộc họp và <b>phiếu biểu quyết của thành viên</b>.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN2014.  Sửa đổi cho rõ ràng
82.	<p><b>Khoản 8 Điều 27</b></p> <p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p><b>Khoản 8 Điều 30</b></p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <b>nếu được đa số (hơn 50%) thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</b>.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 8 Điều 153 LDN 2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		(1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp	
83.	<p><b>Khoản 9 Điều 27</b></p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại <b>điểm b Khoản 9 Điều 27</b>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào <b>số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt</b> để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <b>điểm d Khoản 9 Điều 27</b>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại các <b>điểm a và b Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này</b> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p><b>Khoản 11 Điều 30</b></p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại <b>điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ này</b>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo <b>quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ này</b> trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p> <p>c. Theo quy định tại <b>điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này</b>, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này</b> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN 2014</p>
84.	<p><b>Khoản 10 Điều 27</b></p> <p><b>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách</b></p>	<p><b>Khoản 12 Điều 30</b></p> <p><b>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích</b></p>	<p>Sửa đổi cho rõ ràng hơn</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</b></p>	<p><b>này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</b></p>	
85.	<p><b>Khoản 12 Điều 27</b></p> <p>12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <b>nghị sự</b> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</li> </ol> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, <b>hoặc nếu không có một nhóm như vậy</b>, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc</p>	<p><b>Khoản 9, 10 Điều 30</b></p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <b>hội nghị trực tuyến</b> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</li> </ol> <p>Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà số lượng thành viên Hội đồng quản trị có mặt đồng nhất, <b>hoặc là</b> địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại và/hoặc các phương tiện liên lạc khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. <b>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm c khoản 8 Điều 153 LDN2014</p> <p>Bổ sung phù hợp với Điểm d khoản 9 Điều 153 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.		
86.	<p><b>Khoản 13 Điều 27</b></p> <p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	<p><b>Khoản 14 Điều 30</b></p> <p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 16 NĐ71 không nhất thiết phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết mà chỉ cần có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.
87.	<p><b>Khoản 14 Điều 27</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p><b>Khoản 15 Điều 30</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán hành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản</p>	Sửa đổi phù hợp với Điểm i khoản 1 Điều 154 LDN 2014
88.	<p><b>Khoản 15, 16 Điều 27</b></p> <p>a. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó</p>	<p><b>Điều 31</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng quy định của cơ cấu tổ chức quản lý tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu, tiêu chuẩn các thành viên, trách nhiệm của tiểu ban được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 17 NĐ71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</b></p> <p>15. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <b>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</b></p>	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị <b>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</b></p>	
89.	Chưa quy định	<p><b>Điều 32</b> [Người phụ trách quản trị công ty]</p>	Bổ sung nhằm tuân thủ với quy định tại Điều 17 NĐ71
90.	<b>CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	
91.	<p><b>Điều 28</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một <b>Tổng giám đốc và một số Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức</b></p>	<p><b>Điều 33</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có <b>Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</b> Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	
92.	<p><b>Điều 29</b></p> <p>1. Theo đề nghị của <b>Tổng giám đốc</b> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>người quản lý</b> cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. <b>Người quản lý</b> phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được</p>	<p><b>Điều 34</b></p> <p>1. Theo đề nghị của <b>Tổng Giám đốc</b> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>người điều hành khác</b> với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <b>Người điều hành doanh nghiệp phải</b> có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt</p>	Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <b>Tổng Giám đốc</b> sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động đối với <b>những người quản lý</b> sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của <b>Tổng Giám đốc</b>.</p>	<p>động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <b>Tổng Giám đốc</b> do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <b>người điều hành khác</b> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của <b>Tổng Giám đốc</b>.</p>	
93.	<p><b>Khoản 1 Điều 30</b></p> <p>Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <b>mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác</b>. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của <b>Tổng giám đốc</b> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 35</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <b>thù lao, tiền lương và lợi ích khác</b>. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của <b>Tổng Giám đốc</b> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <b>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</b> và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71 &amp; Khoản 3, Điều 158 LDN2014</p>
94.	<p><b>Khoản 2 Điều 30</b></p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là <b>03 năm</b> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 35</b></p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc <b>không quá năm (05) năm</b> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và <b>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</b>.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN2014</p>
95.	<p><b>Khoản 3 Điều 30</b></p> <p>3. Tổng giám đốc có những <b>quyền hạn và trách nhiệm</b> sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng <b>và các loại cán bộ quản lý</b> mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm <b>thực</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 35</b></p> <p>3. Tổng Giám đốc có các <b>quyền và nghĩa vụ</b> sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 157 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị và tư vấn cho Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</b></p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;</p> <p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của <b>Tổng giám đốc</b> và pháp luật.</p>	<p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc <b>bãi nhiệm</b>, miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, <b>bãi nhiệm</b>, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <b>pháp luật</b>, Điều lệ này, các quy chế <b>nội bộ</b> của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p>	
96.	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 30</b></p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các <b>cơ quan này</b> khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể <b>bãi nhiệm</b> Tổng giám đốc khi đa số thành</p>	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 33</b></p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo <b>các cấp</b> này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể <b>bãi nhiệm, miễn nhiệm</b> Tổng Giám đốc khi đa số</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	viên Hội đồng quản trị dự họp <b>có quyền biểu quyết</b> tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.	thành viên Hội đồng quản trị <b>có quyền biểu quyết dự họp</b> tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.	
97.	<p><b>Điều 31</b></p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một người (hoặc nhiều) làm Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. <b>Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</b> Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li> <li>b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li> <li>c. Tham dự các cuộc họp;</li> <li>d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</li> <li>e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</li> </ol> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 36</b></p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</li> <li>2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</li> <li>3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</li> <li>4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</li> <li>5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</li> <li>6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</li> </ol> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 152 LDN2014
98.	<b>CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>Đề xuất bỏ</b>	Chuyển đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý thành mô hình không có Ban kiểm soát (Điểm b Khoản 1 Điều 134)

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
99.	<b>CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ ĐƯỢC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>	<b>CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
100.	<b>Điều 34</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	<b>Điều 37</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi ngắn gọn và theo định nghĩa của NĐ71.
101.	<b>Khoản 1 Điều 35</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của một tổ chức hoặc cá nhân khác	<b>Khoản 1 Điều 38</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 159 Luật doanh nghiệp</b> và các quy định pháp luật khác	Sửa đổi phù hợp với Điều 159 LDN2014
102.	<b>Khoản 2,3 Điều 35</b>  2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.  3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<b>Khoản 2,3 Điều 38</b>  2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.  3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	Sửa đổi cho ngắn gọn vì đã được quy định tại Điều 159 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
103.	<p><b>Khoản 3 Điều 35</b></p> <p>Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 38</b></p> <p>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm b Khoản 3 Điều 26 NB71</p>
104.	<p><b>Khoản 4,5 Điều 35</b></p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 38</b></p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 162 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>đông của Công ty vào thời điểm giao dịch.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức và cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
105.	<p><b>Khoản 1 Điều 36</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và <b>cán bộ quản lý khác</b> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 39</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	Sửa đổi theo định nghĩa của ND71.
106.	<p><b>Khoản 2 Điều 36</b></p> <p>Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản</p>	<p><b>Khoản 2, 3, 4 Điều 39</b></p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy</p>	Trình bày lại nhưng vẫn phù hợp với LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, <b>cán bộ quản lý</b>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</li> <li>Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</li> </ol> <p>Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <b>người điều hành khác</b>, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</li> <li>Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</li> </ol> </li> <li>Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</li> </ol>	
107.	<p><b>Khoản 1 Điều 37</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <b>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này</b> có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao có công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 40</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc tại Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng hợp lệ của giấy ủy quyền này.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
108.	<p><b>Khoản 2 Điều 37</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên <b>Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 40</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Tổng Giám đốc và người điều hành khác</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với định nghĩa trong ND71 và LDN2014
109.	<p><b>Khoản 3 Điều 37</b></p> <p>Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 40</b></p> <p>Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <b>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</b>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác.</p>	Bổ sung cho phù hợp ý cuối cùng Khoản 3 Điều 146 LDN2014
110.	<p><b>Khoản 4 Điều 37</b></p> <p><b>Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</b></p>	<p><b>Khoản 4 Điều 40</b></p> <p><b>Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</b></p>	
111.	<p><b>Điều 38</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với <b>cán bộ quản lý</b> và người lao động.</li> <li>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</li> </ol>	<p><b>Điều 41</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <b>người điều hành doanh nghiệp.</b></li> <li>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</li> </ol>	Sửa đổi theo định nghĩa của ND71.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
112.	<p><b>Điều 39, Điều 40</b></p> <p>[....]</p>	<p><b>Điều 42</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</li> <li>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</li> <li>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</li> <li>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</li> <li>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</li> <li>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</li> </ol>	<p>Sửa đổi ngắn gọn phù hợp với LDN2014 (Điều 132), Luật Chứng khoán và các quy định liên quan của Sở GDCK, TTLKCK</p>
113.	<p><b>Khoản 1 Điều 42</b></p> <p>Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) <b>hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 45</b></p> <p>Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <b>chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</b></p>	<p>Bổ sung cho rõ ràng</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
114.	<b>Khoản 2 Điều 42</b> Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. <b>Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia.</b> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty	<b>Khoản 2 Điều 45</b> Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt <b>và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.</b> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty	Bổ sung cho rõ ràng
115.	<b>Khoản 3 Điều 42</b> Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	<b>Khoản 3 Điều 45</b> Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. <b>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 4 TT200/2014/TT-BTC
116.	<b>CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	
117.	<b>Khoản 1 Điều 43</b> Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 45 Điều lệ này</b> và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.	<b>Khoản 1 Điều 46</b> Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 48 Điều lệ này</b> , và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi cho phù hợp
118.	<b>Khoản 2 Điều 43</b> Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về <b>lãi và lỗ</b> của Công ty trong năm tài chính, <b>bản cân đối kế toán</b> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	<b>Khoản 2 Điều 46</b> Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về <b>lãi/lỗ</b> của Công ty trong năm tài chính, <b>bảng cân đối kế toán</b> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	Sửa đổi cho phù hợp
119.	<b>Khoản 3 Điều 43</b> Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy	<b>Khoản 3 Điều 46</b> Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán <b>(đối với các công ty niêm yết)</b> và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	tài chính quý <b>theo các quy định của pháp luật</b> và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan khác theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	
120.	<p><b>Điều 45</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành <b>các hoạt động kiểm toán</b> Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>1. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <b>02 tháng</b> kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.</p> <p>2. <b>Một bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm bản báo cáo tài chính năm của Công ty.</b></p> <p>3. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông <b>mà các cổ đông được quyền nhận</b> và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề <b>có liên quan đến kiểm toán.</b></p>	<p><b>Điều 48</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành <b>kiểm toán báo cáo tài chính</b> Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng <b>ba (03) tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p><b>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</b></p> <p>4. Kiểm toán viên <b>độc lập</b> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề <b>có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</b></p>	
121.	<p><b>Điều 46</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định <b>thông qua một con dấu</b> chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 49</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định <b>thông qua con dấu</b> chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
122.	<p><b>Điều 47</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p><b>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật</b></p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 50</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p><b>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</b></p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>hiện hành;</b></p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo <b>hay chấp thuận</b> của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <b>hoặc phải được</b> chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
123.	<p><b>Điều 49</b></p> <p>[...]</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p><b>Điều 52</b></p> <p>[...]</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, <b>trợ cấp thôi việc</b>, bảo hiểm xã hội và <b>các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</b></p> <p><b>c. Nợ thuế;</b></p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 LDN 2015
124.	<p><b>Điều 50</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>[...]</p> <p>ii. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay <b>cán bộ quản lý cao cấp.</b></p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>(21) hai mươi một ngày làm việc kể</b></p>	<p><b>Điều 53</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <p>[...]</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay <b>người điều hành khác;</b></p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>mười lăm</b></p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>từ ngày tranh chấp phát sinh.</b> Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p>	<p><b>(15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.</b> Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <b>Trọng tài kinh tế</b> chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p>	
125.	<p><b>Điều 52</b></p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm <b>XXI Chương 52 Điều</b>, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong Kiên Giang nhất trí thông qua ngày <b>25 tháng 04 năm 2016 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. <b>Điều lệ được lập bằng 10 bản tiếng Việt có giá trị như nhau trong đó:</b></p> <p><b>a. 01 bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương.</b></p> <p><b>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.</b></p> <p><b>c. 04 bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</b></p> <p>3. <b>Bản Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ ngày 19/10/2013 và bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</b></p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><b>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.</b></p>	<p><b>Điều 55</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm <b>XX chương 55 điều</b> được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nhất trí thông qua ngày ..... <b>tại Tp.Hồ Chí Minh</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; <b>Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày .....</b></p> <p>2. <b>Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</b></p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC**  
**SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**Kiên Giang, tháng ... năm 2018**

## Mục lục

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NƯỚC NGOÀI.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, tỷ lệ sở hữu của nước ngoài .....	7
Điều 7. Cổ phiếu .....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền .....	12
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	22

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị .....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	26
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	30
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>	<b>30</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	30
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp .....	31
Điều 35. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....	31
Điều 36. Thư ký Công ty .....	32
<b>IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>33</b>
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng .....	33
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	33
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	34
<b>X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>	<b>34</b>
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	34
<b>XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>35</b>
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn .....	35
<b>XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>35</b>
Điều 42. Phân phối lợi nhuận .....	35
<b>XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>36</b>
Điều 43. Tài khoản ngân hàng .....	36
Điều 44. Năm tài chính .....	36
Điều 45. Chế độ kế toán .....	36
<b>XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>36</b>
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	36
Điều 47. Báo cáo thường niên .....	37
<b>XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>37</b>
Điều 48. Kiểm toán .....	37
<b>XVI. CON DẤU .....</b>	<b>37</b>
Điều 49. Con dấu .....	37

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....	38
Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....	38
Điều 51. Gia hạn hoạt động .....	38
Điều 52. Thanh lý .....	38
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....	39
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	39
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	39
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	39
XX. NGÀY HIỆU LỰC .....	39
Điều 55. Ngày hiệu lực .....	39

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2018

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)/Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu;
  - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
  - g. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
  - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;
  - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - j. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

#### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG
  - Tên tiếng Anh: SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

- Tên viết tắt: SUPERDONG FF-(KG) JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: số 10 đường 30/4, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Điện thoại: 0297.3980111

- Fax: 0297.3846180

- E-mail: [info@superdong.com.vn](mailto:info@superdong.com.vn)

- Website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo **Khoản 2 Điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 Điều lệ này**, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là 50 (năm mươi) năm.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là hai (02) người. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc

bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật do Hội đồng quản trị quy định.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động kinh doanh tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa;
- Kinh doanh khai thác cảng biển.

2. Mục tiêu hoạt động: Công ty được thành lập với mục tiêu đầu tư phát triển ngành vận tải đường thủy và các dịch vụ có liên quan nhằm thu lợi nhuận tối đa để không ngừng phát triển công ty, tạo việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông; góp phần tăng thu ngân sách, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa bàn kinh doanh và cả nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NƯỚC NGOÀI**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, tỷ lệ sở hữu của nước ngoài**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 479.794.370.000 VNĐ (*Bốn trăm bảy mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng Việt Nam*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 47.979.437 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Số lượng cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Tỷ lệ sở hữu của nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### **Điều 7. Cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. **Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.**

3. Trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo quy định tại điều khoản phát hành) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận sở hữu cổ phần.

4. Trường hợp chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có **chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.**

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác (hoặc theo quy định tại điều khoản phát hành). **Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán** được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán **và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.**

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí, thiệt hại phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán **quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp**. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán đủ. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi cho người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. **Cổ đông** phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- **Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;**
- **Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;**
- **Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);**
- **Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.**

b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành (**hoặc theo quy định tại điều khoản phát hành**);

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường

niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. **Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.**

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. **Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng soát xét** hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. **Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;**
- d. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;**

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, **thành viên độc lập hội đồng quản trị** còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.**

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông **có thể** đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua **các vấn đề sau:**

- a. Báo cáo tài chính năm **đã** được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

## 2. Đại hội đồng cổ đông thông qua về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán **độc lập**;
- đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- o. Công ty ký kết hợp đồng **giao dịch** với những **đối tượng** được quy định tại **Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp** với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và **pháp luật**.

## 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được **thực hiện tương ứng với** tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua **giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật**.

4. Tất cả các các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông.

## Điều 16. Các đại diện **theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông theo **quy định của**

**pháp luật** có thể ủy quyền cho **cá nhân, tổ chức đại diện** tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện **theo ủy quyền** theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và **số phiếu** được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó **và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;**

b. **Trường hợp cổ đông tổ chức** là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông **tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;**

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp đầy đủ văn bản ủy quyền **khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.**

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định **người** đại diện, việc chỉ định **người** đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định **người** đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này, **phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử** của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua; đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất **65%** tổng số quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi **đó** biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có

mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại **Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này**.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc **Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này**.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những **công việc** sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết
- b. Bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
  - h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất** mười (10) ngày trước ngày **khai mạc cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). **Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:**

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông **theo quy định** tại **Khoản 3 Điều 12** Điều lệ này có quyền **kiến nghị** các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. **Kiến nghị** phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông. **Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.**

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối **kiến nghị** liên quan đến Khoản 4 Điều 18 **nếu thuộc một** trong các trường hợp sau:

- a. **Kiến nghị** được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm **kiến nghị**, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông **trở lên** trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề **kiến nghị** không thuộc phạm vi thẩm quyền **quyết định** của Đại hội đồng cổ đông;
- d. **Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.**

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. **Cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% **tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.**

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm **xác định** khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. **Cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức **họp** Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. **Cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông được triệu tập **lần thứ hai** chỉ được tiến hành khi có **số cổ đông** dự họp đại diện cho ít nhất 33% **tổng số** cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ

ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào **tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp** và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty phải **tiến hành** thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. **Khi tiến hành đăng ký cổ đông**, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết **một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử**, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/**phiếu bầu** của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, **số thẻ không tán thành** nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay **không tán thành** để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, **không tán thành**, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông **hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông **đã khai mạc** có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/**bầu cử** tại đại hội **ngay sau khi đăng ký**. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và **hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi**.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên **Hội đồng quản trị** còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp **theo nguyên tắc đa số**. **Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ** thì Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có **số** phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. **Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc**. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết **theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp**.

7. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, **theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự**.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp với mục đích nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông và/hoặc đại diện được uỷ quyền đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty và phải đạt tỷ lệ tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo các phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) khi được số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua;
- j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi/công bố biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.

**Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau đây:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- e. Phương án bầu cử (nếu có);
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của, của cổ đông không phải người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản **thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này** và có giá trị như **nghị quyết** được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông **hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này** có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập **họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.**

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định trước được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;

- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần **phổ thông** trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên **trở lên**.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. **Thủ tục** Hội đồng quản trị đương nhiệm **giới thiệu** ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử **theo quy định pháp luật**.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Công ty nhận được đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. **Không** tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng **liên tục**, **trừ trường hợp bất khả kháng**;

- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Có ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
  - h. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông ;
  - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông;
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ

đồng ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty (ngoại trừ những trường hợp có giá trị nhỏ thuộc phạm vi điều hành hoạt động kinh doanh);

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

## **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận giữa các thành viên Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. **Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.**

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.

## **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị **và lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại để bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có **nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và **nghĩa vụ** khác quy định tại Điều lệ này và **Luật Doanh nghiệp.**

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại **cuộc họp** Đại hội đồng cổ đông.

4. **Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền và khi Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt do bất khả kháng hoặc không còn đủ năng lực hành vi dân sự thực hiện nhiệm vụ của mình, Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch.**

5. **Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.** Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định bãi miễn của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì **Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong** cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất **triệu tập**. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất thì các thành viên **bầu theo nguyên tắc đa số để chọn** một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị **định kỳ và bất thường**, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày **làm việc** trước ngày họp trừ các trường hợp khẩn cấp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp **ít nhất một (01) lần**.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản **nêu rõ** mục đích cuộc họp, vấn đề cần **thảo luận**:

- a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) **người quản lý khác**;
- b. **Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. **Các trường hợp khác (nếu có)**.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị **phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này**. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch **Hội đồng quản trị** phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại **khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền** triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của **công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty**, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành **tại trụ sở chính** Công ty hoặc **tại địa điểm khác** ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày **làm việc** trước ngày họp trừ các trường hợp khẩn cấp. **Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó**. Thông báo họp Hội đồng **quản trị** phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, **chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận**, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được **thảo luận** và **biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên**.

Thông báo mời họp được gửi **bằng thư**, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ **liên lạc** của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) **tổng** số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) **nếu được đa số (hơn 50%) thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.**

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập **lần thứ hai** trong thời hạn **bảy (07) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập **lần thứ hai** được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị **trực tuyến** giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc khác **hoặc kết hợp các phương thức này.** Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. **Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà số lượng thành viên Hội đồng quản trị có mặt đông nhất, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.**

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại và/hoặc các phương tiện liên lạc khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại **điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ này**, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo **quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ này** trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

c. Theo quy định tại **điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này**, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc **quyền biểu quyết** của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, **phán quyết** của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này** được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai **lợi ích này** tại cuộc họp **đầu tiên** của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng **nêu trên**.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị **dự họp tán thành**. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. **Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp**.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ **ngày gửi**. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và **có thể lập bằng tiếng Anh**. Biên bản phải có chữ ký của **chủ tọa và người ghi biên bản**.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng quy định của cơ cấu tổ chức quản lý tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp, có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu, tiêu chuẩn các thành viên, trách nhiệm của tiểu ban được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị **phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty**.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc quản trị, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và **chịu sự giám sát, chỉ đạo** của Hội đồng quản trị **trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty**. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh **quản lý** khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được **thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị**.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng **người điều hành khác** với số lượng và **tiêu chuẩn** phù hợp với cơ cấu và **quy chế quản lý của Công ty** do Hội đồng quản trị **quy định**. **Người điều hành doanh nghiệp** phải có trách nhiệm mẫn cán để **hỗ trợ** Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong **hoạt động và tổ chức**.

2. **Thù lao, tiền lương**, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với những **người điều hành khác** do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng **quản trị** hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. **Thù lao, tiền lương** và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, **được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm** và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc **không quá** năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này **và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty**.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và **nghĩa vụ** sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có **quyết định** của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. **Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;**

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và **người điều hành doanh nghiệp** mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm, miễn **nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp** để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, **việc bổ nhiệm, bãi nhiệm**, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh

doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. **Quyền và nghĩa vụ** khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế **nội bộ** của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động **ký với Công ty**.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo **các cấp** này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị **có quyền biểu quyết** dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế

### **Điều 36. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. **Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;**
2. **Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;**
3. **Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;**
4. **Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;**
5. **Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;**
6. **Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.**

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, **cẩn trọng** vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan; đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền

biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức và cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông,

các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc tại Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng hợp lệ của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác..

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 41. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán

cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 43. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

#### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy

định tại Điều 48 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan khác theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 47. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVI. CON DẤU**

#### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;**
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo **hoặc phải được** chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 51. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 52. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thành lập, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;**
- c. Nợ thuế;**
- d. Các khoản vay (nếu có);

- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay **người điều hành khác**.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập **làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp**.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

## **XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XX. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 55. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này **gồm XX chương 55 điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nhất trí thông qua ngày ..... tại **Tp.Hồ Chí Minh** và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; **Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày .....**

**2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.**

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(Người đại diện theo pháp luật)

**HÀ NGUYỆT NHI**

Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**Kính gửi:** Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được thông qua ngày 27/04/2017.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

### **Vấn đề 1: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 14 Điều lệ CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty. Hội đồng quản trị CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kính trình ĐHCĐ biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

### **Vấn đề 2: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch năm 2018**

#### **2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2017 với các chỉ tiêu chính:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.797.380.000	479.794.370.000	100,00%
2	Doanh thu thuần (đồng)	439.852.471.591	401.528.755.081	91,29%
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	23,65%	12,88%	-
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	230.231.447.412	172.872.162.878	75,09%
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	8,13%	-18,81%	-
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	52,34%	43,05%	-
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	47,99%	36,03%	-

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%) (*)	40%	35%	-

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2017 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2018.

## 2.2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2017, tiềm năng phát triển trong thời gian tới như đã trình bày ở Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	TH Năm 2017	KH Năm 2018
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.794.370.000	575.753.240.000
2	Doanh thu thuần (đồng)	401.528.755.081	443.847.138.472
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	12,88%	10,54%
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	172.872.162.878	162.534.674.701
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	-18,81%	-5,98%
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	43,05%	36,62%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	36,03%	28,23%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	35%	25%

## Vấn đề 3: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

### 3.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Hội đồng quản trị đệ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

(ĐVT: đồng)

Nội dung	Thuyết minh	Cách tính	Số tiền
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>			
Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2017	1		172.872.162.878
LNST chưa phân phối của các năm trước	2		128.155.993.663
Tổng LNST chưa phân phối tại 31/12/2017	3	= (1)+(2)	301.028.156.541
Trích lập các quỹ	4		-
<b>Phân phối lợi nhuận năm 2017</b>			
Trả cổ tức bằng tiền mặt 15% (*)	5	= VĐL*15%	71.969.155.500

Nội dung	Thuyết minh	Cách tính	Số tiền
Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20% (**)	6	= VDL*20%	95.958.870.000
Tổng lợi nhuận phân phối cổ tức	7	= (5)+(6)	167.928.025.500
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	8	= (3)-(7)	133.100.131.041

Trong đó, việc trả cổ tức được thực hiện như sau:

- (\*) Trả cổ tức bằng tiền mặt: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo quy định.
- (\*\*) Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo phương án phát hành đính kèm.

### 3.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Theo kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là 162,5 tỷ đồng. Công ty dự kiến sẽ dùng nguồn lợi nhuận này tiếp tục chia cổ tức với tỷ lệ bằng 25% vốn điều lệ tại thời điểm chi trả. Hình thức và thời điểm chi trả cổ tức năm 2018 sẽ được trình và quyết định tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

**Vấn đề 4:** Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 theo Phương án đính kèm.

**Vấn đề 5:** Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Hội đồng quản trị báo cáo về thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2017 và kiến nghị mức thù lao, kinh phí hoạt động của HĐQT cho năm 2018 như sau:

#### 5.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017

(ĐVT: đồng/năm)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	252.000.000
2	Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT	108.000.000
3	Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT	108.000.000
4	Puan Chiong	Thành viên HĐQT	108.000.000
5	Quách Hồng	Thành viên HĐQT	180.000.000
6	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	180.000.000
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	108.000.000
8	Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	108.000.000

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.152.000.000</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	90.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên BKS	90.000.000
3	Lượng Văn Hồng	Thành viên BKS	54.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>234.000.000</b>

### **5.2. Kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018**

Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua tổng kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2018 sẽ ở mức tối đa không quá 1% Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018. Sau đó, Hội đồng quản trị sẽ phân phối lại theo sự đóng góp của mỗi thành viên cho Công ty, đảm bảo phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành.

#### **Vấn đề 6: Xây dựng lại Quy chế quản trị Công ty**

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã rà soát “Quy chế quản trị Công ty” hiện nay. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị nhận thấy Quy chế này cần được xây dựng lại nhằm phù hợp với các quy định hiện hành. Vì thế, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị Công ty đã xây dựng lại như đính kèm.

#### **Vấn đề 7: Chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

- Nhằm cải tiến bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty và nâng cao hơn nữa hiệu quả, cũng như chất lượng quản trị và điều hành; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty từ mô hình có Ban Kiểm soát (Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014) sang mô hình không có Ban Kiểm soát (Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014).
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:  
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định của mô hình quản trị tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014.

#### **Vấn đề 8: Bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty**

- Hội đồng quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua việc bổ sung người đại diện theo pháp luật. Theo đó, Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang bổ sung thêm một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Như vậy, số lượng người đại diện theo pháp luật của SKG là hai (02) người. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Vấn đề 9: Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2018 – 2022.

*Việc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 2018 – 2022 được thực hiện theo quy định về bầu dòn phiếu tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty vừa được sửa đổi, bổ sung (trường hợp được Đại hội đồng thông qua). Các trường hợp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.*

**Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội !.**

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**HÀ NGUYỆT NHI**



Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018

PHƯƠNG ÁN

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu được Bộ Tài chính thông qua ngày 26/10/2015;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. **Mức tăng Vốn điều lệ dự kiến:**
  - Vốn điều lệ trước phát hành: 479.794.370.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).
  - Số Vốn điều lệ dự kiến tăng: 95.958.870.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ chín trăm năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).
  - Vốn điều lệ sau khi phát hành: 575.753.240.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi lăm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).
5. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 9.595.887 cổ phiếu.
6. **Tổng giá trị cổ phần phát hành theo mệnh giá:** 95.958.870.000 đồng.
7. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền hưởng cổ tức.
8. **Hình thức phát hành:** Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.
9. **Tỷ lệ chi trả cổ tức:** 20%/ Mệnh giá cổ phần.



#### 10. Tỷ lệ thực hiện quyền: 5:1

Cứ một cổ đông sở hữu 05 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Cứ 01 quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân sẽ được xử lý bằng cách hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 108 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 5:1 (tương đương 20%), cổ đông A được nhận thêm 21,6 cổ phần mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A sẽ được nhận 21 cổ phần mới, phần cổ phiếu lẻ (0,6 cổ phần) sẽ hủy bỏ.

11. Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp.

#### 12. Đăng ký chứng khoán và niêm yết bổ sung chứng khoán

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm theo phương án đã nêu sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

13. Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ trên Điều lệ hoạt động của Công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tương ứng với số Vốn điều lệ phát hành thành công sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành.

#### 14. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu như Phương án trên;
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành;
- Sửa đổi điều khoản quy định mức Vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng mức Vốn điều lệ tăng lên sau khi có Văn bản của UBCKNN nhận được Báo cáo kết quả phát hành;
- Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết chứng khoán bổ sung sau khi kết thúc đợt phát hành;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua !.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HÀ NGUYỆT NHI





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.



# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>5</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
<b>CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>5</b>
<b>I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG</b>	<b>5</b>
<b>Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>5</b>
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4. Nhân sự tại Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	7
<b>Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>8</b>
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	13
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	14
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	15
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	16
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	16
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	17
<b>Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên</b>	<b>18</b>
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	18
Điều 19. Báo cáo tình hình quản trị công ty	19
<b>II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN</b>	<b>19</b>
Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19
Điều 21. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	19
Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	20
<b>III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài</b>	<b>22</b>
<b>CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT</b>	<b>22</b>
<b>Mục 1. Quy định chung</b>	<b>22</b>
Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	22
Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT	23



Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT-----	23
<b>Mục 2 – Quy định về Đề cử, TỰ ĐỀ CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM và BÃI NHIỆM thành viên HĐQT---</b>	<b>24</b>
Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT-----	24
Điều 27. Cách thức đề cử, tự đề cử ứng viên HĐQT -----	24
Điều 28. Công bố thông tin ứng viên Thành viên HĐQT -----	25
Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	25
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT-----	26
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	26
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	26
<b>Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----</b>	<b>26</b>
Điều 33. Cuộc họp HĐQT-----	26
Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT-----	27
<b>CHƯƠNG 4 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT-----</b>	<b>30</b>
Điều 35. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT-----	30
Điều 36. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ -----	30
Điều 37. Tiểu ban chính sách phát triển -----	33
Điều 38. Tiểu ban nhân sự-----	33
Điều 39. Tiểu ban lương thưởng-----	34
<b>CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----</b>	<b>35</b>
Điều 40. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp-----	35
Điều 41. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	35
Điều 42. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp-----	36
Điều 43. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	36
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	36
<b>CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC -----</b>	<b>37</b>
Điều 45. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc -----	37
Điều 46. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc-----	37
Điều 47. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT-----	37
Điều 48. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao-----	38
Điều 49. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc-----	38
Điều 50. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT -----	38
Điều 51. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc-----	39



**CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC ----- 39**

Điều 52. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác----- 40

Điều 53. Khen thưởng----- 40

Điều 54. Kỷ luật----- 40

**CHƯƠNG 8. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY ----- 41**

Điều 55. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty ----- 41

Điều 56. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty----- 41

Điều 57. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty ----- 41

Điều 58. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty ----- 41

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty ----- 42

**CHƯƠNG 9 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY ----- 42**

Điều 60. Bổ sung, sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty----- 42

**CHƯƠNG 10 - NGÀY HIỆU LỰC ----- 42**

Điều 61. Ngày hiệu lực----- 42



## **CHƯƠNG 1–QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị.
5. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
7. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

## **CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG**

#### **Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

#### **Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*
  - a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;



Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 4. Nhân sự tại Đại hội đồng cổ đông**

##### **1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 Chủ tịch và các Thành viên.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

##### **2. Thư ký đại hội:**

- a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:



- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

### **3. Ban kiểm phiếu:**

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
  - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

### **4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:**

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;
  - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

### **Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc



họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

### **Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
  - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, họp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
    - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.
    - ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

      - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
      - Các tài liệu kèm theo như sau:
        - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
        - Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
        - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).
        - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);



- o Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
  - o Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- b. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- c. Trường hợp Công ty uỷ quyền cho VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

### **Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời



hợp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
  - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự hợp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình hợp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
  - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
    - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;



- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- d. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.



3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
  - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
  - c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

### **Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của HĐQT;
  - c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  - d. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - e. Số lượng thành viên HĐQT;
  - f. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT;
  - h. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
  - i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;



- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
  - n. Quyết định giao dịch, đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
  - p. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

- 1. Nguyên tắc chung
  - a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
  - b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- 2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử
  - a. Phiếu biểu quyết
    - **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.  
Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
    - **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**
      - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;



- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
- b. Phiếu bầu cử
- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
  - **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**
    - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
    - Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
    - Gạch tên các ứng cử viên;
    - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
    - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
    - Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
    - Không có chữ ký hợp lệ của đại biểu tham dự.
    - Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

## **Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

### 1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

### 2. Các hình thức thực hiện biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã



đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết, Đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

## **Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT.

### **2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử**

#### **a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu**

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát một phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
  - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của một ứng viên tương ứng;
  - + Nếu muốn chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng. Số phiếu lẻ phần thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương thức làm tròn xuống;
  - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

**Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trùng cử:



- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đạt tỷ lệ tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp tán thành.
  - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
  - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì Đại hội sẽ được tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những ứng cử viên còn lại; nếu sau khi bầu lần hai mà vẫn chưa đủ thì việc tiếp tục bầu cử do Đại hội và Chủ tọa quyết định.
- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

### **Điều 13. Cách thức kiểm phiếu**

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

### **Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

### **Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
  - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
  3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố biên bản.
  5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại Công ty.

#### **Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d. Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.



2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty và phải đạt tỷ lệ tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo các phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

### **Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên**

#### **Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);



4. Hoạt động của tiểu ban Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp;
5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
8. Các kế hoạch trong tương lai.

#### **Điều 19. Báo cáo tình hình quản trị công ty**

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

## **II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

#### **Điều 20. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
2. Định hướng phát triển Công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
5. Dự án đầu tư/bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Bổ sung/thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
8. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
9. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 21. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản**

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.



## **Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
  - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
    - + Mục đích lấy ý kiến;
    - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
    - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
    - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
    - + Phương án bầu cử (nếu có);
    - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
    - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
  - b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
  - c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
    - + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - + Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.



Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
  - b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ Công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án



hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **III. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BỊ HỦY BỎ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN HOẶC TRỌNG TÀI**

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể thực hiện lại trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT**

### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
  - b. Công ty nhận được đơn từ chức;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Cố ý cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



5. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT**

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty.

#### **Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
  - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.



## **Mục 2 – Quy định về Đề cử, Tự đề cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT**

### **Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.
  - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.
4. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

### **Điều 27. Cách thức đề cử, tự đề cử ứng viên HĐQT**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và tự đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề



cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 32 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

#### **Điều 28. Công bố thông tin ứng viên Thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
7. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
8. Các thông tin khác (nếu có).

#### **Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, tự đề cử theo quy định tại Điều 27 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện đề cử, tự đề cử ...
3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, tự đề cử và xem xét thông tin về từng ứng viên về việc đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và tự đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
  - a. Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, tự đề cử tại Khoản 3, Điều này;



- b. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- c. Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Cách thức bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

### **Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Công ty nhận được đơn từ chức;
  - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

## **Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT**

### **Điều 33. Cuộc họp HĐQT**

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT
  - a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 34 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - c. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc



bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, trừ các trường hợp khẩn cấp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
  - i. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - ii. Thành viên độc lập HĐQT;
  - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
  - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

**Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu biểu quyết/phiếu bầu):
  - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, trừ các trường hợp khẩn cấp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
  - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.



c. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

d. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp; thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
3. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

4. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối



- cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ; Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 38 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
  - e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
  - f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
5. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:
- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
  - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
6. Ghi biên bản họp HĐQT:
- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
    - iii. Thời gian, địa điểm họp;
    - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
    - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
    - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
    - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;



- viii. Các vấn đề đã được thông qua;
- ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Công ty;
  - c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
  - d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
7. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

#### **CHƯƠNG 4 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT**

##### **Điều 35. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT**

- 1. Để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.
- 2. HĐQT Công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. HĐQT cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
- 4. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

##### **Điều 36. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ**

- 1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT của Công ty gồm 03 (Ba) thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do Trưởng ban kiểm toán nội bộ quyết định.



2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ và Trưởng ban kiểm toán nội bộ:
  - a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;
  - b. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
  - c. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
  - d. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
  - e. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc có chứng chỉ về kiểm toán nội bộ do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kiểm toán nội bộ cấp;
  - f. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm công tác;
  - g. Trưởng ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
3. Quyền và trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ
  - a. Quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
    - i. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược;
    - ii. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
    - iii. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của ban kiểm toán nội bộ;
    - iv. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
    - v. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo Phòng ban, bộ phận đối với các vấn đề mà ban kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
    - vi. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/phòng ban được kiểm toán;
    - vii. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong ban kiểm toán nội bộ;
    - viii. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;



- ix. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.
- b. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
  - i. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;
  - ii. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
  - iii. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận trong Công ty;
  - iv. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.
- 4. Nhiệm vụ của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
  - a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại Công ty trình cấp quản lý trực tiếp là Trưởng ban kiểm toán nội bộ xem xét, phê duyệt;
  - b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;
  - c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
  - d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của HĐQT;
  - e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
  - f. Lập báo cáo kiểm toán;
  - g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
  - h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của ban kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của Công ty;
  - i. Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;
  - j. Trình bày ý kiến của ban kiểm toán nội bộ về dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị để HĐQT xem xét, quyết định. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;
  - k. Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;
  - l. Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao hoặc theo quy định của pháp luật.
- 5. Cuộc họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ



Tiểu ban kiểm toán nội bộ phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên. Biên bản họp tiểu ban kiểm toán nội bộ được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên.

### **Điều 37. Tiểu ban chính sách phát triển**

1. Cơ cấu của tiểu ban chính sách phát triển: Tiểu ban Chính sách phát triển Công ty gồm ba (03) thành viên, Trưởng tiểu ban do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Chính sách phát triển có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT) do Trưởng tiểu ban quyết định.
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban chính sách phát triển, trưởng tiểu ban:
  - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên HĐQT;
  - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
  - d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của công ty;
  - e. Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc các ngành có liên quan;
  - f. Có kinh nghiệm làm việc 05 năm tại vị trí giám đốc kinh doanh hoặc vị trí tương đương;
3. Quy định về việc thành lập tiểu ban chính sách phát triển: Việc thành lập tiểu ban chính sách phát triển phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trách nhiệm của tiểu ban chính sách phát triển và của từng thành viên:
  - a. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - b. Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - c. Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
  - d. Tham mưu cho HĐQT trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;
  - e. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban chính sách phát triển do HĐQT phê chuẩn.

### **Điều 38. Tiểu ban nhân sự**

1. Cơ cấu của tiểu ban nhân sự: Tiểu ban nhân sự Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên độc lập HĐQT là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT) do Trưởng tiểu ban quyết định.



2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban nhân sự và Trưởng tiểu ban:
  - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;
  - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật như pháp luật về Lao động, Thuế Thu nhập cá nhân, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan;
  - d. Các thành viên của tiểu ban phải có trình độ chuyên môn về nhân sự, hiểu biết về đặc điểm nhân sự của Công ty;
  - e. Có kinh nghiệm làm việc 05 năm tại vị trí giám đốc nhân sự hoặc vị trí tương đương.
3. Quy định về việc thành lập tiểu ban nhân sự: Việc thành lập các tiểu ban nhân sự phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trách nhiệm của tiểu ban nhân sự và từng thành viên
  - a. Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty;
  - b. Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu HĐQT, những người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty;
  - c. Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - d. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình như quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - e. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban nhân sự do HĐQT phê chuẩn.

#### **Điều 39. Tiểu ban lương thưởng**

1. Cơ cấu của tiểu ban lương thưởng: Tiểu ban lương thưởng Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên độc lập HĐQT là Trưởng tiểu ban. Tiểu ban lương thưởng có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT quyết định.
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban lương thưởng và Trưởng tiểu ban:
  - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;
  - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
  - d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về tình hình tài chính của công ty;



3. Quy định về việc thành lập tiểu ban lương thưởng: Việc thành lập các tiểu ban lương thưởng phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trách nhiệm của tiểu ban lương thưởng và từng thành viên
  - a. Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;
  - b. Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, những người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến lương thưởng của các thành viên này;
  - c. Tham mưu cho HĐQT các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;
  - d. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban lương thưởng do HĐQT phê chuẩn.

## **CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 40. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh công ty;
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
  - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
  - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
  - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
  - d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;
  - e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
  - f. Có thời gian công tác thực tế ở vị trí tương đương ít nhất từ năm(05) năm trở lên.

### **Điều 41. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:
  - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.



Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:
  - a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
  - b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 42. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ Công ty. Việc ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 43. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 40 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

#### **Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.



## CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

### **Điều 45. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 34 Quy chế này.

### **Điều 46. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc**

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

### **Điều 47. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

#### 1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- a. Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;
- b. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả;
- c. Các trường hợp khác có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, lợi ích của Công ty.

#### 2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty



theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

**Điều 48. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

**Điều 49. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 44 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

**Điều 50. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT**

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
  - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi tài liệu cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
  - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
  - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
  - d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nắm quyền



kiểm soát với người nội bộ hoặc với những người có liên quan tới người nội bộ theo quy định của pháp luật.

- e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc trừ các trường hợp khẩn cấp.

**Điều 51. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc**

1. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt HĐQT điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
  - a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
  - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi các tài liệu cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
  - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
  - e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Quy chế này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
  - f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
  - g. Các nội dung khác cần xin ý kiến HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Quy chế này phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

**CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**



**Điều 52. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của HĐQT, Ban TGD và người điều hành khác với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 53. Khen thưởng**

1. HĐQT hoặc tiểu ban lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 53 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc tiểu ban lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 54. Kỷ luật**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.



3. Thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 8. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 55. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

### **Điều 56. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty.

### **Điều 57. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
6. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc quản trị, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 58. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.



**Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**CHƯƠNG 9 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 60. Bổ sung, sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung và/hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG 10 - NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 61. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 10 chương 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy định tại Khoản 4 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**HÀ NGUYỆT NHI**

CTCP TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG - KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2018



## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**Kính gửi:** Quý Cổ đông Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty trong năm tài chính 2018.

Trân trọng kính trình Đại hội !.

T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

TRƯƠNG HỮU LỘC

Số: .....

Kiên Giang, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, BẦU CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
(Nhiệm kỳ 2018 – 2022)**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Nội dung Quy chế đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang như sau:

**I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;
- HĐQT : Hội đồng quản trị;
- BTC : Ban tổ chức Đại hội;
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).

**II. Chủ tọa tại Đại hội**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

**III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT : 07 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 – 2022
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **IV. Nguyên tắc bầu cử**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

#### **V. Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty)**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018) có quyền tự đề cử/đề cử hoặc gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền tự đề cử hoặc đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự đề cử hoặc đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và tự đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định.

#### **VI. Hồ sơ tham gia đề cử để được bầu vào HĐQT**

##### **1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT**

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ:  
[www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn))

- Giấy đề nghị đề cử (tự đề cử) tham gia HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);

- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước/Hộ khẩu thường trú (nếu có) *hoặc* Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

*Các mẫu trên được đăng tải trên website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn) (Mục: QUAN HỆ CỔ ĐÔNG, TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018) từ ngày 13 tháng 04 năm 2018.*

## 2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Đề tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 16h ngày 20/04/2018 theo địa chỉ sau:

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang**

**Văn phòng Hội đồng quản trị**

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38 63 63 16 Fax: (028)38 688 363

Liên hệ: Chị Đặng Thị Kim Loan

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

## VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ tự đề cử hoặc đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

## VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo khoản 3 Điều 21 Điều lệ).
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ.

## **IX. Phiếu bầu cử**

### **1. Nội dung của Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

### **2. Cách ghi Phiếu bầu cử**

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của một ứng viên tương ứng.
- + Nếu muốn chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng. Số phiếu lẻ phần thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương thức làm tròn xuống.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

#### **Lưu ý:**

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

### **3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
  - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
  - + Gạch tên các ứng cử viên;
  - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
  - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho ứng viên hoặc các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
  - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
  - + Không có chữ ký hợp lệ của đại biểu tham dự.

### **4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu**

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

**5. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử (Khoản 3 Điều 21 Điều lệ)**

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đạt tỷ lệ tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông và/hoặc đại diện được ủy quyền dự họp tán thành.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì Đại hội sẽ được tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những ứng cử viên còn lại; nếu sau khi bầu lần hai mà vẫn chưa đủ thì việc tiếp tục bầu cử do Đại hội và Chủ tọa quyết định.

**X. Hiệu lực thi hành**

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế đề cử, tự đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ (2018 – 2022) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**HÀ NGUYỆT NHI**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ : 10 đường 30/4, khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 3980 111 Fax : (0297) 3846 180

Email : [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)

Website : [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2022**  
(Áp dụng cho cổ đông)

***Kính gửi: Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang***

Họ tên cổ đông:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang cho tôi đề cử:**

1. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



3. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

4. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

5. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2018 - 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú/GCNDKDN.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Bản chứng thực các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người đề cử**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)





**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Địa chỉ : 10 đường 30/4, khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : (0297) 3980 111 Fax : (0297) 3846 180

Email : [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)

Website : [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2022**  
(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

**Kính gửi: Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang**

Người đại diện nhóm cổ đông: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang cho chúng tôi đề cử:**

1. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



3. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

4. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

5. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2018 - 2022.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú/GCNĐKDN.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Bản chứng thực các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Người đại diện nhóm cổ đông đề cử**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

DU S  
3 TỶ  
HÃN  
AO TỶ  
ĐON  
GIANG  
TỶ

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM  
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/ GCNĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
....					
....					
	<b>Tổng cộng</b>				





**BIÊN BẢN HỢP NHÓM**

**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG  
NHIỆM KỲ 2018 – 2022**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2018-2022.

Hôm nay, ngày.../.../2018, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang, cùng nhau nắm giữ .....cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/GCNDKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu (*)	Ký và ghi rõ họ tên
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
	<b>Tổng cộng</b>				



(\*). Số cổ phiếu sở hữu liên tục 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách.

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

Ông (Bà): .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2018-2022.

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:**

1. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

2. Ông/Bà:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

3. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

4. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

5. Ông/Bà:.....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: .....(cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /..... /..... tại .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2018  
(Người được đề cử đại diện nhóm)  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**Địa chỉ** : 10 đường 30/4, khu phố 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

**Điện thoại** : (0297) 3980 111 Fax : (0297) 3846 180

**Email** : [superdong\\_2008@yahoo.com.vn](mailto:superdong_2008@yahoo.com.vn)

**Website** : [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2022**

***Kính gửi: Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang***

Tôi tên là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng)

Đề nghị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2018 – 2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú/GCNDKDN.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bản chứng thực Bằng cấp, chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Người tự đề cử**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-o0o-



## GIẤY XÁC NHẬN - SỞ HỮU CỔ PHẦN

*V/v: xác nhận sở hữu cổ phần*

***Kính gửi: Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang***

Họ tên chủ sở hữu: .....

CMND/CCCD/HC/GCNDKDN số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Tôi/Chúng tôi sở hữu:.....cổ phiếu tại Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (SKG) liên tục từ ngày .../.../..... đến ngày 05/04/2018.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng).

Đề nghị Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang xác nhận giúp Tôi/Chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày .... tháng .... năm 2018

**Chủ sở hữu**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-000-

## GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: Xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: .....

Comment [d1]: Nơi cổ đông lưu ký cổ phiếu (Công ty chứng khoán,...)

Họ tên chủ sở hữu: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....

Tôi/Chúng tôi sở hữu:.....cổ phiếu tại Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (SKG) liên tục từ ngày .../.../..... đến ngày 05/04/2018.

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: .....(đồng).

Đề nghị Công ty ..... xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Comment [d2]: Nơi cổ đông lưu ký cổ phiếu (Công ty chứng khoán,...)

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Chủ sở hữu

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng chờ các ứng viên vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2022)

Họ và tên : .....

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

CMND/CCCD: -----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác: + Từ ... đến ...

+ Từ ... đến ...

+ Từ ... đến ...

+ Từ ... đến ...

Các chức vụ công tác hiện nay tại

Công ty:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại

tổ chức khác:

Các lợi ích liên quan đến Công ty

(nếu có):

Số CP nắm giữ (tại thời điểm ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ  
05/04/2018):

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm

giữ cổ phiếu của Công ty:

1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức:  
..... nắm giữ: .....  
CP, chiếm .....% vốn điều lệ.

2- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức:  
..... nắm giữ: .....  
CP, chiếm .....% vốn điều lệ.



Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Người khai ký và ghi rõ họ tên**





CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

# THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **SKG.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần

**Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 1.200** cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: SKG.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**  
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **1.200** cổ phần

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty			
Nội dung 2: Báo cáo của Hội đồng quản trị			
Nội dung 3: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc			
Nội dung 4: Báo cáo của Ban kiểm soát			
Nội dung 5: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017			
Nội dung 6: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018			
Nội dung 7: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018			
Nội dung 8: Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017			
Nội dung 9: Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018			
Nội dung 10: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán phù hợp cho việc kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2018			
Nội dung 11: Xây dựng lại Quy chế quản trị công ty			
Nội dung 12: Chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty			
Nội dung 13: Bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty			
Nội dung 14: Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022			

**Hướng dẫn:**

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

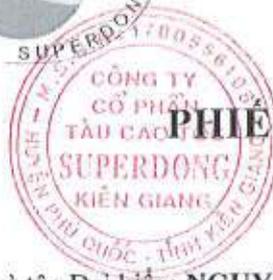
Ngày 27 tháng 4 năm 2018

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



**PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: SKG.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**  
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần  
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần  
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **1.200** cổ phần  
Tổng số lượng phiếu bầu: **6.000** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn phiếu (cho một/các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	...		
2			
3			
4			
5			
6			
7			

**Hướng dẫn:**

1. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của một ứng viên tương ứng.
2. Nếu muốn chia đều số phiếu cho nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng. Số phiếu lẻ phần thập phân (nếu có) sẽ được xử lý theo phương thức làm tròn xuống.
3. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Ngày 27 tháng 04 năm 2018

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2018

**DỰ THẢO**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang  
Mã số doanh nghiệp : 1700556108  
Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, Đường 30/4, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang  
Điện thoại : 0297 3 980 111  
Fax : 0297 3 846 180  
Thời gian tổ chức : 08h30 giờ, ngày 27 tháng 04 năm 2018  
Địa điểm tổ chức : Khách sạn 5 sao Windsor Plaza – Số 18 An Dương Vương, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

**PHẦN 1**  
**GIỚI THIỆU - KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**1.1 BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU**

Thành phần Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu

- Ông/ Bà: .....
- Ông/ Bà: .....
- Ông/ Bà: .....

Nội dung báo cáo

- Tổng số cổ đông được mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 05/04/2018, sở hữu 47.979.437 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- Số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm ..... cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho ..... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

## 1.2 THÔNG QUA QUY CHẾ LÀM VIỆC

Đại hội thông qua Quy chế làm việc với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## 1.3 GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI VÀ BAN KIỂM PHIẾU

### Chủ tịch Đoàn

- Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Đoàn – Chủ tọa Đại hội
- Ông Puan Kwong Siing - Thành viên Đoàn chủ tịch
- Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Thành viên Đoàn chủ tịch

### Thư ký

- Bà Lưu Hải Anh Thư ký Đại hội

### Ban kiểm phiếu

- Ông/ Bà ... Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông/ Bà ... Thành viên Ban kiểm phiếu
- Ông/ Bà ... Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội và Ban Kiểm Phiếu như trên với tỷ lệ ...% Số CP có quyền biểu quyết dự họp.

## 1.4 GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Bà Hà Nguyệt Nhi – Chủ tọa cuộc họp đọc chương trình Đại hội.

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## PHẦN 2

### NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

- **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**  
Người trình bày:.....– Chức vụ:.....
- **Báo cáo của Hội đồng quản trị**  
Người trình bày:.....– Chức vụ:.....
- **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**  
Người trình bày:.....– Chức vụ:.....
- **Báo cáo của Ban kiểm soát**  
Người trình bày: Ông Trương Hữu Lộc – Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**  
Người trình bày: Bà Lưu Hải Anh – Chức vụ: Kế toán trưởng.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Xây dựng lại Quy chế quản trị công ty  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....
- Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022  
Người trình bày:.....- Chức vụ:.....

### PHẦN 3 THẢO LUẬN

Sau khi nghe Ban lãnh đạo Công ty trình bày các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông, các Đại biểu đã nêu các câu hỏi sau:

- 1 . .....
- 2 . .....
- 3 . .....

Bà Hà Nguyệt Nhi – Chủ tọa cuộc họp cùng Đoàn chủ tịch đã giải đáp các câu hỏi của cổ đông như sau:

- 1 .....  
.....  
.....
- 2 .....  
.....  
.....
- 3 .....  
.....  
.....

#### PHẦN 4 CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

**Vấn đề 1:** Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

➤ Kết quả biểu quyết

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:.....%
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 1 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 2:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị

➤ Kết quả biểu quyết

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:.....%
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, Báo cáo của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 3:** Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

➤ **Kết quả biểu quyết**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát**

➤ **Kết quả biểu quyết**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, Báo cáo của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 5: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

➤ **Kết quả biểu quyết**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b>	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 5 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 6: Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018**

**6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.797.380.000	479.794.370.000	100,00%
2	Doanh thu thuần (đồng)	439.852.471.591	401.528.755.081	91,29%
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	23,65%	12,88%	-
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	230.231.447.412	172.872.162.878	75,09%
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	8,13%	-18,81%	-
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	52,34%	43,05%	-

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	47,99%	36,03%	-
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	40%	35%	-

## 6.2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018

Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hoạt động kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	TH Năm 2017	KH Năm 2018
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.794.370.000	575.753.240.000
2	Doanh thu thuần (đồng)	401.528.755.081	443.847.138.472
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	12,88%	10,54%
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	172.872.162.878	162.534.674.701
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	-18,81%	-5,98%
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	43,05%	36,62%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	36,03%	28,23%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%) (*)	35%	25%

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHDCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2017 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2018.

### ➤ Kết quả biểu quyết

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 6 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## Vấn đề 7: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

### 7.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

(ĐVT: đồng)

Nội dung	Thuyết minh	Cách tính	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2017	1		172.872.162.878

Nội dung	Thuyết minh	Cách tính	Số tiền
LNST chưa phân phối của các năm trước	2		128.155.993.663
Tổng LNST chưa phân phối tại 31/12/2017	3	= (1)+(2)	301.028.156.541
Trích lập các quỹ	4		-
<b>Phân phối lợi nhuận năm 2017</b>			
Trả cổ tức bằng tiền mặt 15% (*)	5	= VĐL*15%	71.969.155.500
Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20% (**)	6	= VĐL*20%	95.958.870.000
Tổng lợi nhuận phân phối cổ tức	7	= (5)+(6)	167.928.025.500
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	8	= (3)-(7)	133.100.131.041

Trong đó, việc trả cổ tức được thực hiện như sau:

- (\*) Trả cổ tức bằng tiền mặt: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo quy định.
- (\*\*) Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo phương án phát hành đính kèm.

## 7.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Theo kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là 162,5 tỷ đồng. Công ty dự kiến sẽ dùng nguồn lợi nhuận này tiếp tục chia cổ tức với tỷ lệ bằng 25% vốn điều lệ tại thời điểm chi trả. Hình thức và thời điểm chi trả cổ tức năm 2018 sẽ được trình và quyết định tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

### ➤ Kết quả biểu quyết

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 7 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## Vấn đề 8: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 theo Phương án đính kèm

### ➤ Kết quả biểu quyết

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:..... %
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: ..... %

Số phiếu không hợp lệ:            - Số cổ phần:.....            - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 8 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 9:** Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

**9.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017** (ĐVT: đồng/năm)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	252.000.000
2	Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT	108.000.000
3	Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT	108.000.000
4	Puan Chiong	Thành viên HĐQT	108.000.000
5	Quách Hồng	Thành viên HĐQT	180.000.000
6	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	180.000.000
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	108.000.000
8	Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	108.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.152.000.000</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	90.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên BKS	90.000.000
3	Lượng Văn Hồng	Thành viên BKS	54.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>234.000.000</b>

**9.2. Kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018**

HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua tổng kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2018 sẽ ở mức tối đa không quá 1% Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018. Sau đó, Hội đồng quản trị sẽ phân phối lại theo sự đóng góp của mỗi thành viên cho Công ty, đảm bảo phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành.

➤ **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ:            - Số cổ phần:.....            - Tỷ lệ: ..... %  
 + Số phiếu tán thành:        - Số cổ phần: .....            - Tỷ lệ: ..... %  
 + Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: .....            - Tỷ lệ: ..... %  
 + Số phiếu không ý kiến:    - Số cổ phần: .....            - Tỷ lệ: ..... %

Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 9 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 10: Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2018**

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2018 theo quy định.

➤ **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ:..... %  
+ Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 10 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 11: Thông qua xây dựng lại Quy chế quản trị công ty**

➤ **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ:..... %  
+ Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 11 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 12: Thông qua chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

➤ **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ:..... %  
+ Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 12 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Vấn đề 13: Thông qua bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty**

➤ **Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ:..... %  
+ Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %  
+ Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: ..... - Tỷ lệ: ..... %

Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần:..... - Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 13 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Vấn đề 14: Thông qua bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022**

##### **➤ Kết quả biểu quyết**

Số phiếu hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %
+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:.....%
+ Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
+ Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ: .....%
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:.....	- Tỷ lệ: ..... %

Như vậy, vấn đề 14 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **PHẦN 5**

### **BẦU CỬ**

#### **Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị:**

*Đại hội thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022 với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

#### **Danh sách ứng viên tham gia bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022:**

1. ...
2. ...
3. ...
4. ...
5. ...
6. ...
7. ...

*Đại hội nhất trí thông qua danh sách ứng viên trên với tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

#### **Danh sách ứng viên trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2022:**

1. ...

##### **➤ Kết quả bầu cử**

+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:.....%
2. ...		

##### **➤ Kết quả bầu cử**

+ Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần: .....	- Tỷ lệ:.....%
-----------------------	---------------------	----------------



Số: \_\_\_\_/2018/NQ-DHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, ngày .... tháng .... năm 2018 của CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

Ngày .../.../2018, tại....., cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức với sự tham gia của ..... cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho ..... cổ phần chiếm .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

**QUYẾT NGHỊ**

**Vấn đề 1: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**

Đại hội đã thông qua vấn đề 1 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Đại hội đã thông qua vấn đề 2 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Đại hội đã thông qua vấn đề 3 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát**

Đại hội đã thông qua vấn đề 4 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 5: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

Đại hội đã thông qua vấn đề 5 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 6:** Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

**6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.797.380.000	479.794.370.000	100,00%
2	Doanh thu thuần (đồng)	439.852.471.591	401.528.755.081	91,29%
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	23,65%	12,88%	-
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	230.231.447.412	172.872.162.878	75,09%
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	8,13%	-18,81%	-
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	52,34%	43,05%	-
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	47,99%	36,03%	-
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	40%	35%	-

**6.2. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018**

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	TH Năm 2017	KH Năm 2018
1	Vốn điều lệ (đồng)	479.794.370.000	575.753.240.000
2	Doanh thu thuần (đồng)	401.528.755.081	443.847.138.472
	Tăng trưởng Doanh thu thuần (%)	12,88%	10,54%
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	172.872.162.878	162.534.674.701
	Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (%)	-18,81%	-5,98%
4	Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	43,05%	36,62%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ (%)	36,03%	28,23%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%) (*)	35%	25%

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHĐCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2017 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2018.

Đại hội đã thông qua vấn đề 6 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Vấn đề 7:** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

**7.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017**

(ĐVT: đồng)

Nội dung	Thuyết minh	Cách tính	Số tiền
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>			
Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2017	1		172.872.162.878
LNST chưa phân phối của các năm trước	2		128.155.993.663
Tổng LNST chưa phân phối tại 31/12/2017	3	= (1)+(2)	301.028.156.541
<b>Trích lập các quỹ</b>	4		-
<b>Phân phối lợi nhuận năm 2017</b>			
Trả cổ tức bằng tiền mặt 15% (*)	5	= VDL*15%	71.969.155.500
Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20% (**)	6	= VDL*20%	95.958.870.000
Tổng lợi nhuận phân phối cổ tức	7	= (5)+(6)	167.928.025.500
<b>Lợi nhuận chưa phân phối còn lại</b>	8	= (3)-(7)	133.100.131.041

Trong đó, việc trả cổ tức được thực hiện như sau:

- (\*) Trả cổ tức bằng tiền mặt: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo quy định.
- (\*\*) Trả cổ tức bằng cổ phiếu: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chia cổ tức cho cổ đông theo phương án phát hành đính kèm.

## 7.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Theo kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là 162,5 tỷ đồng. Công ty dự kiến sẽ dùng nguồn lợi nhuận này tiếp tục chia cổ tức với tỷ lệ bằng 25% vốn điều lệ tại thời điểm chi trả. Hình thức và thời điểm chi trả cổ tức năm 2018 sẽ được trình và quyết định tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

*Đại hội đã thông qua vấn đề 7 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**Vấn đề 8:** Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 theo Phương án đính kèm.

*Đại hội đã thông qua vấn đề 8 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**Vấn đề 9:** Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 như sau:

### 9.1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2017

(ĐVT: đồng/năm)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	252.000.000

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
2	Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT	108.000.000
3	Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT	108.000.000
4	Puan Chiong	Thành viên HĐQT	108.000.000
5	Quách Hồng	Thành viên HĐQT	180.000.000
6	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	180.000.000
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT	108.000.000
8	Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	108.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.152.000.000</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	90.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên BKS	90.000.000
3	Lượng Văn Hồng	Thành viên BKS	54.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>234.000.000</b>

## 9.2. Kế hoạch thù lao, kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua tổng kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2018 sẽ ở mức tối đa không quá 1% Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018. Sau đó, Hội đồng quản trị sẽ phân phối lại cho các thành viên theo sự đóng góp của mỗi thành viên cho Công ty, đảm bảo phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành.

*Đại hội đã thông qua vấn đề 9 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

### **Vấn đề 10:** Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2018

*Đại hội đã thông qua vấn đề 10 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

### **Vấn đề 11:** Thông qua xây dựng lại Quy chế quản trị công ty

*Đại hội đã thông qua vấn đề 11 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

### **Vấn đề 12:** Thông qua chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

*Đại hội đã thông qua vấn đề 12 với số phiếu tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

### **Vấn đề 13:** Thông qua bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty

